

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH DỰ ÁN	1
II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	2
1. Căn cứ Luật.....	2
2. Căn cứ Nghị định.....	3
3. Căn cứ Thông tư	3
4. Các văn bản của địa phương.....	4
5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn	4
III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN	5
CHƯƠNG I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ: CƠ SỞ NGUYỄN ĐỨC TUẤN	6
2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: ĐẦU TƯ TRẠI CHĂN NUÔI GIA CẦM, CÔNG SUẤT 135.000 CON/LÚA	6
2.1. Địa điểm thực hiện dự án và mối tương quan của dự án.....	6
2.1.1. Địa điểm thực hiện dự án	6
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:.....	8
2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	8
2.4. Quy mô của dự án đầu tư:.....	8
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	8
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:.....	9
3.3. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	9
3.4. Sản phẩm của dự án đầu tư: Gà thịt.....	12
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	12
4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của dự án đầu tư	12
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	15
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	15
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	16
5.1. Các hạng mục công trình:	16

5.2. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại dự án	19
CHƯƠNG II	21
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,	21
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	21
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG... 21	21
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	21
2.1. Đối với môi trường nước	21
2.2. Đối với môi trường không khí.....	22
2.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại.....	23
CHƯƠNG III.....	25
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP.....	25
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	25
1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	25
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	25
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	26
1.3. Xử lý nước thải:	26
2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	30
2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi từ hoạt động chăn nuôi	30
2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác	32
3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	34
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	34
3.2. Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi	35
4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI ..	36
5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	40
5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học.....	40
5.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng ...	40
5.3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn do gà kêu	40
6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH DỰ ÁN.	40
6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải.....	40
6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước.....	41
6.1.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải	41
6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại	42

6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ	42
6.3. Phòng ngừa dịch bệnh	43
6.3.1. Yêu cầu về sát trùng.....	43
6.3.2. Vệ sinh phòng bệnh.....	43
6.3.3. Vệ sinh nguồn nước	43
6.3.4. Vệ sinh thức ăn	43
6.3.5. Vệ sinh nhân lực	43
6.3.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị.....	44
6.3.7. Phát hiện bệnh sớm	44
6.3.8. Điều trị bệnh sớm	44
6.3.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro	44
6.4. Biện pháp an toàn lao động	45
7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:	45
8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI.....	45
9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	45
10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	45
CHƯƠNG IV	47
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	47
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	47
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	48
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	51
4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI	53
4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh	53
4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	54
4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt	54
4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại)	55
4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại	55
CHƯƠNG V	57
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	57
1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	57
2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI	57

2.1. Chỉ tiêu đo đạc và phân tích	57
2.2. Vị trí lấy mẫu	57
2.3. Kết quả đo đạc, phân tích	57
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	59
1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ	59
2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	59
CHƯƠNG VII:	61
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA.....	61
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN	61
CHƯƠNG VIII:	62
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	62
PHỤ LỤC	63

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: : Hệ tọa độ, ranh giới dự án.....	6
Bảng 2: Khối lượng thức ăn cung cấp cho gà trong các giai đoạn phát triển tại trại nuôi	12
Bảng 3: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vắc xin tại dự án.....	13
Bảng 4: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y cho trang trại	13
Bảng 5: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà.....	14
Bảng 6: Tổng nhu cầu sử dụng nước của trang trại.....	16
Bảng 7: Các hạng mục công trình	16
Bảng 8: Danh mục máy móc thiết bị tại dự án	19
Bảng 9: Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi	29
Bảng 10: Danh mục hóa chất sử dụng.....	30
Bảng 11: Khối lượng phân gà phát sinh trong 1 lứa nuôi	35
Bảng 12: Danh mục và số lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án	37
Bảng 13: Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	46
Bảng 14: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt	48
Bảng 15: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 05:2023/BTNMT	50
Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo.....	50
Bảng 17: Giá trị giới hạn đối với độ ồn.....	52
Bảng 18: Giá trị giới hạn đối với độ rung	52
Bảng 19: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	53
Bảng 20: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	53
Bảng 21: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án	53
Bảng 22: Chất lượng khí thải của dự án.....	57
Bảng 23: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	59
Bảng 24: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của dự án	60

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ khu vực dự án.....	7
Hình 2: Sơ đồ quy trình sản xuất.....	9
Hình 3: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa.....	25
Hình 4: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải.....	26
Hình 5: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	27
Hình 6: Quy trình hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.....	28
Hình 7: Sơ đồ mương sinh học.....	29
Hình 8: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi tại trang trại.....	31
Hình 9: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương kết hợp lưới len.....	31
Hình 10: Mô hình hố chôn gà chết do dịch bệnh.....	39

PHẦN MỞ ĐẦU

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH DỰ ÁN

Dự án “Đầu tư Trại chăn nuôi gia cầm, công suất 135.000 con/lứa” tại ấp Hoà Đông A, xã Hoà Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh do Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn làm chủ dự án được UBND tỉnh Tây Ninh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại Công văn số 2923/UBND-KTTC ngày 29/12/2012 và Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư Trại chăn nuôi gia cầm, công suất 135.000 con/lứa” của Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/3/2013, với quy mô, công suất như sau:

- Công suất: 135.000 con/lứa.
- Diện tích đất sử dụng: 52.631 m²
- Tổng vốn đầu tư: 18.000.000.000 đồng.

Căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp GPMT:

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, Quy mô dự án đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

Căn cứ mục II số thứ tự 5.2.1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Theo đó, dự án chăn nuôi gà công nghiệp hướng thịt với quy mô 135.000 con/lứa (05 lứa/năm), tương đương 800 đơn vị vật nuôi ((135.000 con x 2,5 kg)/500).

Căn cứ số thứ tự 16, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án “Đầu tư Trại chăn nuôi gia cầm, công suất 135.000 con/lứa” của Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Đức Tuấn (05 lứa/năm), tương đương 675 đơn vị vật nuôi thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4, từ 100 – 1.000 đơn vị vật nuôi).

Căn cứ Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án được phân loại thuộc nhóm II dựa trên tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư theo quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể: “*Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4), Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (mục I.1)*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải ra ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất*

thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”.

Trên cơ sở các quy định trên, Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Đầu tư Trại chăn nuôi gia cầm, công suất 135.000 con/lứa” (05 lứa/năm) tại ấp 4, ấp Hoà Đông A, xã Hoà Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo mẫu Báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, cấp phép theo quy định.

II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ Luật

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001.

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 03/12/2004.

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006.

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2012.

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014.

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/6/2015.

- Luật Thú y số 97/2015/QH13 ngày 19/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015.

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018.

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

2. Căn cứ Nghị định

- Nghị định số 14/2014/NĐ – CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3. Căn cứ Thông tư

- Thông tư số 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

4. Các văn bản của địa phương

- Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030. Trong đó, UBND tỉnh quy định mật độ chăn nuôi của huyện Tân Biên: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,53 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 1,50 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

- Kế hoạch số 3625/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045.

- Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 07 – 2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước.

- QCVN 07 – 5:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện.

- QCVN 62-MT/2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

- Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 45B802614 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Biên đăng ký lần đầu ngày 11/10/2012.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Đức Tuấn.

- Công văn số 2923/QĐ-UBND ngày 29/12/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín của ông Nguyễn Đức Tuấn.

- Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư Trại chăn nuôi gia cầm, công suất 135.000 con/lứa”.

- Giấy công nhận Trại gà Nguyên Đức Tuấn là cơ sở an toàn dịch bệnh động vật số 269/QĐ-CCCN&TY ngày 28/03/2022 do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh cấp.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ: CƠ SỞ NGUYỄN ĐỨC TUẤN

- Địa chỉ văn phòng: ấp Hoà Đông A, xã Hoà Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

- Chứng minh nhân dân số 021685118, cấp ngày 01/04/2009; nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 091 9304060

- Địa chỉ thường trú: khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: ĐẦU TƯ TRẠI CHĂN NUÔI GIA CẦM, CÔNG SUẤT 135.000 CON/LÚA

2.1. Địa điểm thực hiện dự án và mối tương quan của dự án

2.1.1. Địa điểm thực hiện dự án

Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín được bố trí trên các thửa đất số 542 tờ bản đồ số 22 tại ấp Hoà Đông A, xã Hoà Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được UBND huyện Tân Biên cấp ngày 06/09/2005. Khu đất có tọa độ, ranh giới như sau:

Bảng 1: : Hệ tọa độ, ranh giới dự án

Tên mốc	X	Y
1	1266 287	547 804
2	1266 248	547 946
3	1266 660	547 938
4	1266 659	547 785

Khu đất xây dựng dự án có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: giáp kênh Phước Hoà.
- Phía Tây: giáp đất trồng cao su
- Phía Nam: giáp đường đất.
- Phía Bắc: giáp đất trồng cao su.



Hình 1: Sơ đồ khu vực dự án

2.1.2. Môi trường quan của dự án với đối tượng kinh tế - xã hội:

- Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín của Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn có tuyến đường giao thông nông thôn đi qua, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa của hoạt động dự án và đi lại của nhân dân trong vùng. Có hệ thống lưới điện quốc gia đi qua thuận lợi cho việc sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt của dự án.

- Dự án đảm bảo được các tiêu chí khoảng cách theo Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT như sau: cách xa khu dân cư bán kính 3km, có một vài hộ sống gần nương rẫy khoảng cách từ dự án đến nhà dân gần nhất là 600m. Dự án cách trại gà Phước Vinh 1,1 km về phía Đông, cách công ty khoai mì Bình Minh Tây Ninh 1,3 km về phía Đông Nam, cách chợ Hoà Hiệp 4,2 km về phía Bắc, cách UBND xã Hoà Hiệp 5,4 km về phía Tây Bắc, cách đường ĐT788 khoảng 3,6km về phía Tây, xung quanh khu vực dự án chủ yếu là đất trồng cây cao su. Theo quan sát xung quanh dự án không có vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển; nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; các khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng.

- Với khoảng cách và vị trí này của dự án phù hợp với Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển

bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi.

2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thì Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường là UBND tỉnh Tây Ninh.

2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư Trại chăn nuôi gia cầm, công suất 135.000 con/lứa”.

- Giấy công nhận Trại gà Nguyên Đức Tuấn là cơ sở an toàn dịch bệnh động vật số 269/QĐ-CCCN&TY ngày 28/03/2022 do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh cấp.

2.4. Quy mô của dự án đầu tư:

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, Quy mô dự án đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Công suất dự án là 135.000 con gà thịt/lứa (5 lứa/năm).

Thời gian giãn cách giữa 02 đợt nuôi (từ lứa nuôi trước đến lứa nuôi sau) là khoảng 60 – 70 ngày bao gồm:

- Thời gian nuôi, chăm sóc (từ lứa nuôi trước đến lứa nuôi sau) khoảng: 45 ngày.

- Vệ sinh trại và khử trùng các loại mầm bệnh để chuẩn bị cho đợt nuôi tiếp theo khoảng 15 - 25 ngày.

Loại hình hoạt động: chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín.

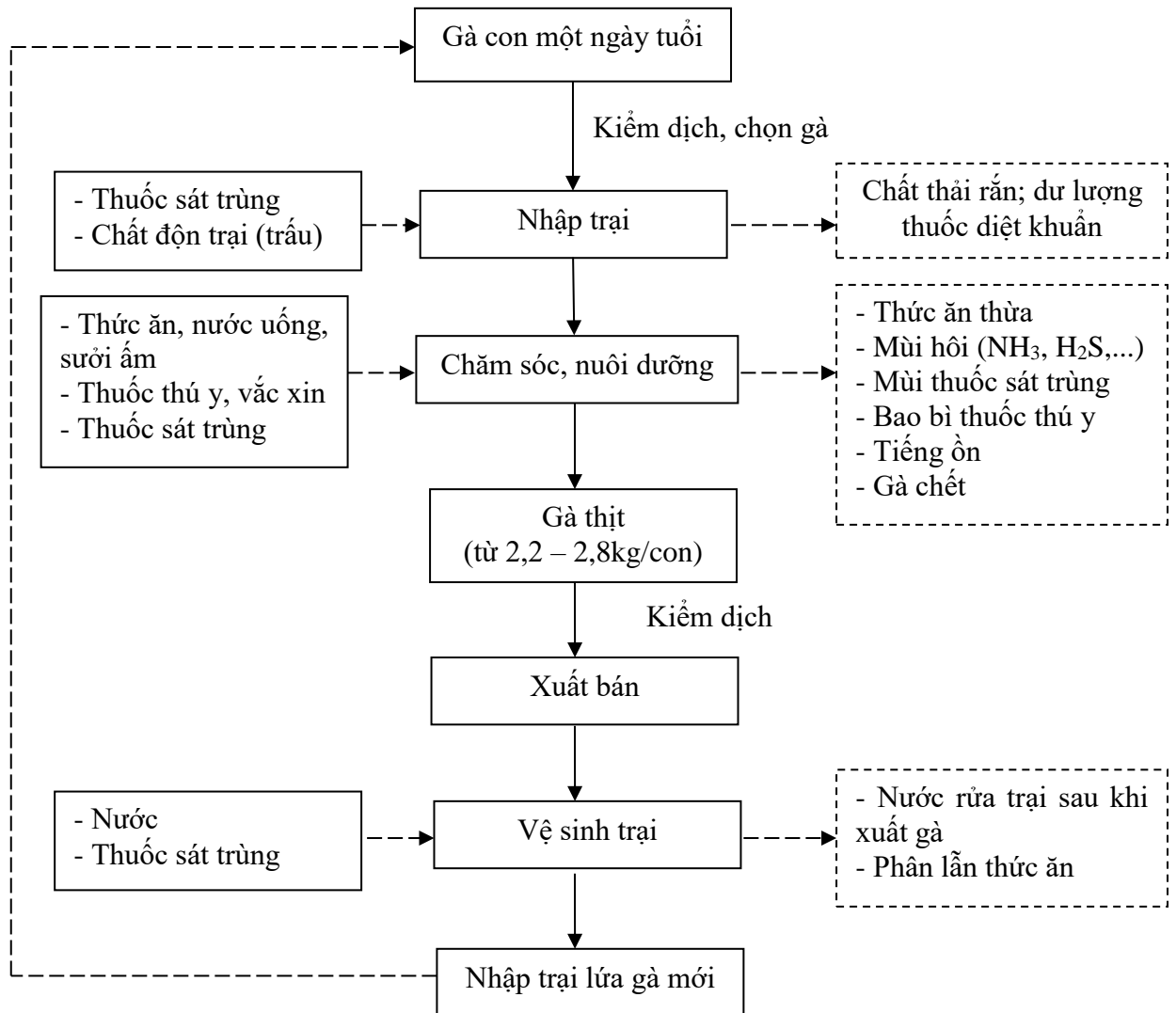
Tổng diện tích chuồng nuôi: 15.525 m², bao gồm 09 dãy chuồng nuôi, mỗi

chuồng nuôi 15.000 con, diện tích là 1.725m²/chuồng, như vậy mật độ chăn nuôi khoảng 8 - 9 con/m².

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

3.3. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Công nghệ sản xuất của dự án là mô hình chuồng lạnh khép kín, cụ thể như sau:



Hình 2: Sơ đồ quy trình sản xuất

* **Thuyết minh công nghệ:** Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của trại là gà giống một ngày tuổi. Quy trình công nghệ chăn nuôi được trình bày như sau:

Rải trấu: Rải trấu lên toàn bộ nền trại dày 10cm và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào. Sau thời gian 7-10 ngày quan sát trên bề mặt trại khi nào thấy phân rải kín (nền trại dơ), ta cào sơ qua lớp mặt đệm lót (lưu ý: khi cào nên dồn gọn gà về từng phía một để tránh gây xáo trộn đàn gà). Sau khi cào lớp mặt xong thì phun đều chế phẩm sinh học để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân hủy nhanh hơn.

Gà giống: Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên, do Công ty CP Japfa Comfeed Việt Nam cung cấp. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35-40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn.

Nhập trại:

- Gà con được chuyển từ máy ấp vào hộp giấy cứng có kích thước mỗi hộp là 40cmx60cmx18cm. Trong mỗi hộp chia làm 4 ngăn nhỏ, mỗi ngăn chứa 25 con gà.

- Trước khi nhập gà về, trại nuôi và các thiết bị sẽ được khử trùng kỹ trước khi nhập lứa mới vào nuôi. Gà sẽ được kiểm tra kỹ tình trạng sức khỏe đàn gà để khẳng định gà chuyển về đang khỏe mạnh.

- Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Đồng thời, trong mỗi dãy chuồng nuôi được trang bị các vách ngăn di động, các vách ngăn được điều chỉnh phù hợp với không gian cần thiết cho đàn gà theo từng giai đoạn. Sau đó, kéo rèm che kín trại, bật đèn sưởi ấm trong lồng úm khoảng 2 giờ nếu thời tiết ngoài trời lạnh. Khi thả gà vào lồng úm phải kiểm tra lại số lượng con sống và con chết. Loại bỏ những con chết và gà không đạt tiêu chuẩn ra khỏi trại.

- Cho gà nghỉ ngơi 10-20 phút rồi cho gà uống nước có pha 50g glucose với 1g vitamin C/3 lít nước để chống stress cho gà. Nước uống phải đảm bảo sạch và có độ ấm của nước từ 16-20°C. Nước uống cho gà 3-4 ngày đầu sẽ pha thêm kháng sinh Tetracyclin với tỷ lệ 0,5g/l hoặc Colistin tỷ lệ 0,1g/l và vitamin C tỷ lệ 100-150mg/l.

Trong giai đoạn gà từ 1 ngày đến 14 ngày tuổi do hệ tiêu hóa và hô hấp chưa hoàn thiện, sức đề kháng kém, gà con dễ bị nhiễm bệnh. Để đàn gà sinh trưởng phát triển tốt có tỷ lệ sống cao cần thực hiện úm gà con. Kỹ thuật úm gà con như sau:

- Dùng chụp úm gà bằng điện để sưởi ấm cho gà, quay gà gần dưới chụp sưởi để giữ nhiệt và đảm bảo nhiệt độ (tuần đầu: 32 - 34°C; tuần 2: 29 - 30°C; tuần 3: 26 - 27°C; tuần 4: 22 - 25°C). Đồng thời, quan sát phản ứng của gà đối với nhiệt độ điều chỉnh cho phù hợp. Nhiệt độ vừa phải: gà phân bố đều, đi lại, ăn uống bình thường. Nhiệt độ thấp: gà tập trung lại gần nguồn nhiệt, đứng co ro, run rẩy. Nhiệt độ cao: gà tản ra xa nguồn nhiệt, nằm há mỏ, thở mạnh, uống nhiều nước.

- Gà nhập về được thả trên nền bê tông có lớp trấu dày khoảng 10 cm. Sau 5 - 7 ngày với gà nuôi úm, 2 - 3 ngày với gà nuôi thịt, tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1-3cm. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền trại. Gà giống sẽ được nhập về theo từng đợt cho mỗi trại, khoảng cách giữa các đợt nhập không quá một tuần.

Chăm sóc, nuôi dưỡng: Trong quá trình nuôi từ lúc mới thả gà đến lúc gà trưởng thành và xuất trại, nhân viên của Công ty CP Japfa Comfeed Việt Nam sẽ theo sát quá trình nuôi và có những hướng dẫn cụ thể cho chủ trang trại và những công nhân tham gia trực tiếp trong quá trình chăn nuôi. Mọi sự cố phát sinh sẽ do

những nhân viên phụ trách này trực tiếp hướng dẫn khắc phục. Các bước chăm sóc, nuôi dưỡng được thực hiện như sau:

- Gà được nuôi theo quy trình kỹ thuật chăn nuôi trại lạnh khép kín với nhiệt độ trong nhà nuôi gà luôn được giữ ở mức từ 23⁰C đến 30⁰C, trung bình là khoảng 27⁰C.

- Cung cấp thức ăn: Cám sẽ được phân phối đến các máng ăn. Khi nguồn thức ăn trong máng ăn bị giảm xuống thì tiếp tục thêm thức ăn vào. Lượng thức ăn cung cấp hàng ngày cho gà sẽ được tính toán sao cho vừa đủ nhu cầu của gà trong từng giai đoạn phát triển để tránh tình trạng thức ăn dư thừa rơi vãi xuống sàn gây mùi hôi thối. Gà cần được ăn liên tục, suốt ngày đêm để nhanh xuất trại. Mỗi ngày đổ và đảo thức ăn kích thích gà ăn ít nhất 4 lần gồm buổi sáng, trưa, chiều và 10 giờ đêm để gà được ăn suốt đêm. Trong quá trình nuôi nên chú ý phát hiện sớm gà bị què, bết chân, yếu để kịp thời tách ra nuôi riêng, chăm sóc tốt, để chúng lớn kịp theo đàn.

- Cung cấp nước uống: Nguồn nước cho gà uống cũng được cung cấp tự động, khi nguồn nước trong máng bị giảm xuống thì hệ thống sẽ tự động bơm thêm nước vào máng uống nhằm đảm bảo đủ nguồn nước uống cho gà. Các núm uống cảm ứng sẽ hạn chế được tình trạng nước đổ xuống sàn. Trong trường hợp cần cho gà uống vắc xin hoặc thuốc thú y thì sẽ được pha chung với nước.

- Sử dụng vắc xin cho gà: Loại và thời điểm sử dụng vắc xin được xem xét sao cho đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đàn gà dựa trên lịch dùng chung và lịch điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của khu vực.

- Trong quá trình nuôi, nguồn phát sinh nhiệt thừa, mùi trong trại từ quá trình thông tản gió, ngoài ra lượng chất thải rắn từ bao bì đựng thực phẩm và cá thể gà không đạt yêu cầu phát sinh, do đó chủ trang trại sẽ thường xuyên phun thuốc khử trùng, khử mùi quanh các trại nuôi, các phương tiện ra vào khu vực nuôi cũng cần khử trùng khi ra vào khu vực nuôi. Riêng đối với công nhân trực tiếp nuôi khi vào trại phải mang giày và quần áo bảo hộ đúng quy định, tất cả phải được khử trùng khi vào trại nuôi.

Xuất trại: Gà được nuôi trong một lứa với khoảng thời gian 45 ngày đạt được trọng lượng 2,2 - 2,8kg thì sẽ xuất trại, mỗi năm trang trại nuôi 5 lứa gà thịt, mỗi lứa nuôi trang trại sẽ xuất gà trong 9 ngày (1 ngày xuất 1 trại). Trước khi gà xuất trại được kiểm dịch, sau đó được đưa ra thị trường tiêu thụ.

Vệ sinh trang trại: Sau khi gà xuất trại, phân gà cùng trấu lót sẽ được xử lý các mầm bệnh bằng chế phẩm sinh học. Sau đó, được thu gom đóng bao loại 50kg và bán cho đơn vị có nhu cầu làm phân bón. Sau khi thu gom, phân gà còn sót trong trại nuôi sẽ được rửa sạch, 1 ngày xuất 1 trại, lượng nước vệ sinh của trại khoảng 1m³/chuồng/ngày (tương đương 9 m³/lứa nuôi). Do đó sau 01 dãy trại nuôi, chủ dự án sẽ xây dựng bể lắng lọc 3 ngăn để xử lý nước thải, nước thải sau đó sẽ dẫn vào ruộng sinh học để tiếp tục xử lý. Trại nuôi sẽ được dọn dẹp sạch sẽ, nền trại được phun khử trùng toàn bộ khu vực nuôi bằng dung dịch formal 2%. Sau đó, trại nuôi sẽ được để trống khoảng 15 ngày để chờ nuôi đợt tiếp theo.

3.4. Sản phẩm của dự án đầu tư: Gà thịt

Tiêu chuẩn gà xuất trại: Gà thịt xuất trại đạt trọng lượng từ 2,2kg/con – 2,8kg/con (45 ngày), trước khi xuất trại gà được kiểm tra dịch bệnh, sau đó được đưa ra thị trường tiêu thụ.

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của dự án đầu tư

a) Nhu cầu về con giống

Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35-40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn

Nhu cầu về con giống là 135.000 con/lứa. Công ty CP Japfa Comfeed Việt Nam là đơn vị cung cấp hoàn toàn con giống đầu vào cho dự án.

b) Nhu cầu về thức ăn

Tất cả nguồn thức ăn tại trang trại được Công ty CP Japfa Comfeed Việt Nam cung cấp định kỳ 5 ngày/lần. Nhu cầu về thức ăn cung cấp cho gà thịt theo từng giai đoạn phát triển của gà như sau:

Bảng 2: Khối lượng thức ăn cung cấp cho gà trong các giai đoạn phát triển tại trại nuôi

STT	Giai đoạn	Trọng lượng gà dự kiến (kg/con)	Lượng thức ăn cung cấp (g/con/ngày)	Lượng thức ăn cung cấp trong 1 ngày (tấn/ngày)	Lượng thức ăn cung cấp trong 1 lứa nuôi (tấn/lứa)
1	Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi	0,4 – 0,9	54	7,29	102,06
2	Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi	0,9 – 2	90	12,15	182,25
3	Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại)	2 – 2,8	115	15,525	232,875
	Tổng cộng			34,965	517,185

Như vậy, khối lượng thức ăn được cung cấp trong một lứa nuôi vào khoảng **517,185 tấn/lứa nuôi** (45 ngày).

c) Nhu cầu sử dụng trấu và nhiên liệu tại trang trại:

- Nhu cầu sử dụng trấu:

+ Diện tích 9 dãy chuồng nuôi là 15.525 m², lớp vỏ lót được thiết kế dày 10 cm (0,1m). Thể tích lớp trấu là 15.525 x 0,1 = 1.552,5 m³

+ Khối lượng riêng trung bình của trấu 130 kg/m³. Vậy nhu cầu trấu sử dụng cho trại chăn nuôi là: 130 kg/m³ x 1.552,5 m³ = 201.825 kg/lứa ~ 201,825 tấn/lứa

=> Như vậy lượng vỏ trấu được sử dụng cho trang trại là: 201,825 tấn trấu/lứa nuôi.

- Nhu cầu sử dụng gas: 20 bình gas loại lớn để úm gà cho mỗi lứa nuôi.

- Dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng, ước tính khoảng 40 lít/tháng.

d) Nhu cầu về hóa chất, vắc xin, thuốc thú y, vitamin:

- Nhu cầu vắc xin, thuốc thú y: Thuốc thú y, vắc xin trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn cho con giống. Toàn bộ lượng thú y, vắc xin, vitamin,...cho con giống được Công ty CP Japfa Comfeed Việt Nam cung cấp. Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y tại trang trại cụ thể như sau:

Bảng 3: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vắc xin tại dự án

STT	Tên thuốc	Định mức	Khối lượng
1	Newcastle	2 liều/con	270.000 liều
2	Gumboro	3 liều/con	405.000 liều
3	Cúm H5N1	1 liều/con	135.000 liều
4	Tụ huyết trùng gà	1 liều/con	135.000 liều
5	Đậu gà	1 liều/con	135.000 liều

Bảng 4: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y cho trang trại

Ngày tuổi	Loại vắc xin	Cách sử dụng	Mục đích sử dụng
Ngày 1 - 2	Newcastle chủng F (lần 1)	Nhỏ mắt, mũi hoặc phun	Phòng bệnh gà rù Newcastle
Ngày 3	Gumboro (lần 1)	Cho uống từng con	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 7	Đậu gà	Chủng màng cánh	Phòng bệnh đậu gà
Ngày 10	Gumboro (lần 2)	Cho uống trực tiếp hoặc pha vào nước uống	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 15	Cúm H5N1	Tiêm	Phòng bệnh cúm gia cầm

Ngày 20	Tụ huyết trùng	Tiêm	Phòng bệnh tụ huyết trùng
Ngày 25	Gumboro (lần 3)	Pha nước uống	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 28	Newcastle chủng F (lần 2)	Nhỏ mắt, mũi hoặc phun	Phòng bệnh gà rù Newcastle

- Nhu cầu bổ sung vitamin: Vitamin và khoáng chất vào nước uống, thức ăn để cung cấp các chất dinh dưỡng thiết yếu cho gà để giảm thiểu bệnh tật và giúp đàn gà phát triển nhanh. Định mức sử dụng vitamin cụ thể trong bảng sau:

Bảng 5: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà

STT	Vitamin	Đơn vị tính	Định mức
1	Vitamin A	IU/kg	7.000 – 10.000
2	Vitamin D3	IU/kg	1.500 – 2.500
3	Vitamin E	mg/kg	20 - 30
4	Vitamin K3	mg/kg	1 - 3
5	Vitamin B1	mg/kg	1,0 – 2,5
6	Vitamin B2	mg/kg	4 - 7
7	Vitamin B6	mg/kg	2,5 – 5,0
8	Vitamin B12	mg/kg	0,015 – 0,025
9	Niacin	mg/kg	25 - 40
10	Pantothenic acid	mg/kg	9 - 11
11	Folic acid	mg/kg	0,8 – 1,2
12	Biotin	mg/kg	0,10 – 0,15
13	Vitamin C	mg/kg	100 - 150
14	Choline	mg/kg	200 – 400

- Nhu cầu về thuốc sát trùng: Thuốc sát trùng sử dụng do Công ty CP Japfa Comfeed Việt Nam cung cấp chủ yếu là Omicide và vôi bột. Thuốc sát trùng sau khi được cung cấp sẽ được pha loãng với nước và phun khử trùng thường xuyên tại khu vực công ra – vào của dự án, vệ sinh trại nuôi sau khi thu hoạch, phun xung quanh và bên trong trang trại để diệt khuẩn. Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng tại dự án ước tính như sau:

+ Omicide: 35,2 lít/lứa nuôi (tỷ lệ 1:300)

+ Vôi bột: 52 bao/lứa nuôi. (tỷ lệ 1/500)

- + Formol 2%: 7.952,5 lít/lứa nuôi (tỷ lệ 1:2)
- + Chế phẩm vi sinh khử mùi EM: 42 lít/lứa nuôi (tỷ lệ 1/1000)
- + Men vi sinh: 100 kg/lứa nuôi.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện tại dự án chủ yếu phục vụ cho các mục đích chiếu sáng trại nuôi, sinh hoạt, hoạt động bơm nước,... Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 1.000 KWh/tháng.

Nguồn cung cấp điện: Điện lưới quốc gia. Ngoài ra, chủ dự án lắp đặt 01 máy phát điện dự phòng công suất 200 KVA để đề phòng khi mất điện. Nhiên liệu cho máy phát điện dự phòng: dầu DO tiêu thụ khoảng 288 lít/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt: Trại có tổng cộng 15 công nhân viên (căn cứ theo TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về việc cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, nước dùng sinh hoạt cho nhân viên tại trang trại là 100 lít/người/ngày): 15 người x 100 lít/người/ngày = 1,5 m³/ngày.đêm.

- Nhu cầu cấp nước phục vụ hoạt động chăn nuôi: Nước sử dụng chủ yếu cho cung cấp nước uống cho gà, nước rửa trại nuôi.

+ Lượng nước cung cấp cho gà uống: Căn cứ nhu cầu thực tế, lượng nước gà uống trung bình: 0,19 lít/con (0,19 lít/ngày.đêm x 135.000 con gà = 25,65 m³/ngày.đêm).

+ Lượng nước dùng rửa trại nuôi: Trong quá trình chăn nuôi, trung bình mỗi đợt sẽ xuất 1 dãy trại, thời gian dọn dẹp vệ sinh và giãn cách là 15 ngày (thời gian dọn dẹp là 4 – 5 ngày và thời gian để thoáng trại trước khi nhập lứa mới là 6 – 7 ngày tiếp theo). Quá trình vệ sinh trại nuôi chủ yếu là việc rửa trại, dọn phân trấu lót trại và công tác chuẩn bị trước khi thả lứa mới. Chủ dự án lắp đặt các vòi xịt rửa cao áp tại khu vực chuồng nuôi, lượng nước vệ sinh trại nuôi mỗi lứa xuất trại là 9,0 m³/lứa nuôi (1m³/ngày/chuồng/lứa nuôi, 01 ngày xuất 01 chuồng nên 01 ngày chỉ vệ sinh 01 chuồng nuôi sau lứa nuôi).

+ Nước cấp hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút: 9 chuồng x 0,1 m³/ngày.đêm = 0,9 m³/ngày.đêm.

+ Lượng nước dùng làm mát: Lượng nước này chiếm khoảng 9m³/ngày.đêm (tương đương 1,0 m³/ngày.đêm/dãy chuồng) với mục đích làm mát cho tất cả các chuồng. Lượng này được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài.

+ Lượng nước dùng trong khâu vệ sinh: chủ yếu phục vụ trong khâu vệ sinh khử trùng xe ra vào trại, quần áo, tay chân, giày dép, dụng cụ máng ăn hàng ngày: 1,0 m³/ngày.đêm.

- Nước tưới cây xanh, đường nội bộ: 2,0 m³/ngày.

Như vậy, tổng nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và chăn nuôi của dự án là **41,05 m³/ngày.đêm.**

Bảng 6: Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của trang trại

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng sử dụng (m ³ /ngày.đêm)
I	Nước cấp sinh hoạt cho công nhân	1,5
II	Nước cấp cho quá trình chăn nuôi gà	37,55
1	Lượng nước cung cấp cho gà uống	25,65
2	Lượng nước vệ sinh trại nuôi gà (1m ³ /ngày/chuồng/lứa nuôi)	1,0
3	Nước cấp cho hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút	0,9
4	Nước cấp cho hệ thống làm mát	9,0
5	Nước cấp cho khâu vệ sinh dụng cụ	1,0
III	Nước tưới cây xanh	2,0
	TỔNG CỘNG	41,05

- Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy: Lượng nước dự trữ cấp cho một hoạt động chữa cháy được tính cho một đám cháy trong 02 giờ liên tục với lưu lượng 10 lít/giây/đám cháy.

$$Q_{cc} = 10 \text{ lít/giây} \times 2 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây/giờ} = 72.000 \text{ lít} \sim 72 \text{ m}^3.$$

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nước từ 02 giếng khoan để cung cấp nước sinh hoạt và chăn nuôi của dự án.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1. Các hạng mục công trình:

Tổng diện tích khu đất là 52.631m², các hạng mục công trình được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 7: Các hạng mục công trình

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	CÁC HẠNG MỤC CHÍNH				
1	Chuồng nuôi gà	09	115 x 15	15.525	29,50

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
2	Kho cám	09	5 x 15	675	1,28
II CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ					
1	Nhà văn phòng	01	5 x 4	20	0,03
2	Kho vật tư	01	5 x 2	10	0,02
3	Nhà sát trùng	01	8 x 5	40	0,07
4	Nhà ăn	01	10 x 5	50	0,1
5	Nhà ở công nhân	01	10 x 7	70	0,13
6	Nhà xe	01	10 x 5	50	0,1
7	Nhà máy phát điện	01	8 x 6	48	0,1
8	Ao thu nước mưa	02	-	1.080	2,05
III CÁC HẠNG MỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG					
1	Kho chứa chất thải nguy hại	01	3 x 2	6	0,01
2	Kho chứa chất thải thông thường	01	5 x 3	15	0,03
3	Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt	01	3 x 2 x 1,2	6	0,01
4	Mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt	01	4 x 2 x 1	8	0,01
5	Bể lắng lọc 3 ngăn xử lý nước thải chăn nuôi	09	3 x 1 x 1,2	27	0,05
6	Mương sinh học xử lý nước thải chăn nuôi	03	4 x 2 x 1	32	0,06
7	Hố hủy xác gà chết không do dịch bệnh	01	4 x 3 x 1,2	12	0,02
8	Khu đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh	-	-	1.000	1,9
9	Buồng xử lý khí thải	09	15 x 5	675	1,28
IV	Thảm xanh	--	--	10.530	20
V	Đường nội bộ, sân bãi...	--	--	22.752	43,23
	Tổng cộng			52.631	100

* *Hạng mục công trình chính:*

Khu trại nuôi gà: diện tích 15.525 m², bao gồm 09 dãy chuồng, một dãy chuồng 1.725 m² có sức chứa 15.000 con/chuồng nuôi, mật độ chăn nuôi khoảng 8 - 9 con/m². Khoảng cách giữa 2 chuồng nuôi là 12,0 m. Bên ngoài, đầu mỗi dãy chuồng đặt 01 kho cám. Bên trong, mỗi chuồng bố trí 01 hệ thống máng ăn tự động, 01 máng uống tự động. Mặt bên bố trí 01 hệ thống làm mát. Chiều cao đến đỉnh mái là 5,0m. Mái lợp tole, hệ kèo là khung sắt, tường xây gạch đất nung bao che dày 20cm. Nền bê tông đá 1x2, M200, dày 150, nền trại tạo độ dốc 3%, rãnh thoát nước tạo độ dốc 2%. Cuối mỗi dãy chuồng bố trí 10 quạt hút, tổng cộng 90 quạt hút mùi cho 09 dãy chuồng.

*** Các hạng mục công trình phụ trợ của trang trại:**

- Nhà ở công nhân + nhà văn phòng + nhà để xe: diện tích 140 m², nền lát gạch, cột kèo thép, tường gạch, mái tole.

- Nhà ăn: diện tích là 50 m², kết cấu móng, nền lát gạch, cột kèo thép, tường gạch, mái tole.

- Nhà sát trùng: diện tích 40 m² thực hiện công tác sát trùng xe và người ra vào trại chăn nuôi với kết cấu nền BTCT, cột kèo thép, tường gạch, quét vôi bên ngoài, mái tole.

- Nhà để máy phát điện: diện tích 48 m² với kết cấu bê tông, tường gạch, mái lợp tole.

- Kho vật tư: diện tích 10 m² với kết cấu nền bê tông, cột kèo thép, tường gạch, mái tole.

- Ao thu nước mưa: tổng diện tích 02 ao là 1.080m², thu gom toàn bộ nước mưa tại trang trại.

*** Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:**

- Kho chứa CTNH: diện tích 6 m², nền lát gạch, tường gạch, kết cấu khung thép, mái lợp tôn, chứa chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động.

- Kho chứa chất thải thông thường: diện tích 15 m², nền lát gạch, tường gạch, kết cấu khung thép, mái lợp tôn, lưu chứa tạm thời chất thải thông thường.

- Hồ hủy xác gà chết không do dịch bệnh: số lượng 01 hồ, diện tích 12m². Kết cấu hồ được xây dựng tường gạch đáy bê tông, có nắp đan đáy kín được đặt cách xa khu nhà ở công nhân, phía cuối trại.

- Công trình xử lý nước thải chăn nuôi: diện tích 59 m² (bao gồm 06 bể lắng lọc 3 ngăn và 03 mương sinh học) xử lý lượng nước thải phát sinh tại trang trại.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: diện tích 14 m² (bao gồm 01 bể tự hoại và 01 mương sinh học) xử lý lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Buồng xử lý khí thải: diện tích 675 m² (bao gồm 9 buồng), cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế 3 bức tường chắn. Phía trên buồng được phủ lớp lưới len và hệ thống phun sương.

- Khu vực đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh: diện tích đất dự phòng khoảng 1.000 m² được bố trí phòng ngừa trường hợp dịch bệnh lây lan, tiêu hủy gà tại trang trại.

5.2. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại dự án

Chủ dự án đầu tư một số máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của dự án, như sau:

Bảng 8: Danh mục máy móc thiết bị tại dự án

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Tình trạng	Xuất xứ
I	Hệ thống điều khiển nhiệt độ				
1	Quạt hút công nghiệp	90	Cái	Hoạt động tốt	Thái Lan
2	Hệ thống dàn lạnh-motor bơm nước công suất 1,5HP	09	Bộ	Hoạt động tốt	Thái Lan
3	Hệ thống cảm ứng nhiệt độ, độ ẩm bên trong và bên ngoài	09	Bộ	Hoạt động tốt	Thái Lan
4	Hệ thống sưởi nhiệt	09	Bộ	Hoạt động tốt	Việt Nam
5	Hệ thống điều khiển nhiệt độ kết nối với điều khiển tự động	09	Bộ	Hoạt động tốt	Đài Loan
II	Hệ thống máng ăn				
1	Đường dẫn thức ăn, máng ăn, hộp đựng cám	90	Bộ	Hoạt động tốt	Việt Nam
III	Hệ thống nước uống tự động				
1	Đường dẫn nước, núm uống	90	Bộ	Hoạt động tốt	Việt Nam
2	Bộ phận điều chỉnh áp lực nước	09	Bộ	Hoạt động tốt	Việt Nam
3	Bộ phận đo khối lượng nước sử dụng	09	Bộ	Hoạt động tốt	Việt Nam
4	Bộ phận pha thuốc	09	Bộ	Hoạt động tốt	Việt Nam
5	Hệ thống điều khiển nối với bộ điều khiển tự động	18	Bộ	Hoạt động tốt	Thái Lan
IV	Máy móc, thiết bị khác				
1	Chụp úm gà bằng gas	21	Bộ	Hoạt động tốt	Việt Nam
2	Máy bơm nước công suất 3HP	02	Cái	Hoạt động tốt	Việt Nam

3	Máy phát điện công suất 200 KVA	02	Cái	Hoạt động tốt	Nhật
---	---------------------------------	----	-----	------------------	------

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Hiện nay, tỉnh Tây Ninh chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh cũng như thực hiện phân vùng môi trường.

Vị trí thực hiện dự án “Đầu tư Trại chăn nuôi gia cầm, công suất 135.000 con/lứa” tại ấp Hoà Đông A, xã Hoà Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2013. Dự án có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như hạn chế phát thải.

Dự án có công suất 135.000 con/lứa (05 lứa/năm) phù hợp với mật độ chăn nuôi của huyện Tân Biên nói riêng và phù hợp với mật độ chăn nuôi của tỉnh nói chung đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 18/01/2021; đồng thời phù hợp với Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 26/08/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

Như vậy, Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín là phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Tây Ninh nói chung và của dự án nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh dự án. Dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Đối với môi trường nước

- **Nước thải sinh hoạt:** Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án chủ yếu của công nhân làm việc tại trang trại. Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của 1 công nhân viên của dự án, với lưu lượng 1,5 m³/ngày.đêm (15 người x 100 lít/người/ngày), sẽ được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học, để tiếp tục xử lý; phía trên phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định.

- **Nước thải chăn nuôi:** có lưu lượng cao nhất là 2,0 m³/ngày.đêm, chỉ phát sinh vào cuối mỗi đợt nuôi. Gồm các nguồn nước thải sau:

+ Nước thải vệ sinh chuồng nuôi: Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học; trên nền đệm lót sinh học lượng phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó sau mỗi lứa xuất gà chủ dự án sẽ tiến hành cho công nhân thu gom lớp đệm lót lẫn phân và vệ sinh ngay chuồng trại, tại khu vực chuồng nuôi được lắp đặt các vòi xịt rửa cao áp, nên lượng nước vệ sinh trại nuôi mỗi lứa xuất trại là 1 m³/ngày/chuồng (mỗi lứa nuôi trang trại sẽ xuất gà trong 9 ngày, 1 ngày xuất 1 trại).

+ Nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, với lưu lượng 1 m³/ngày.

- Chủ dự án đầu tư xây dựng phía sau mỗi dãy chuồng là 01 bể lắng lọc 3 ngăn để xử lý nước thải chuồng nuôi. Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học; phía trên phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định, không xả thải ra ngoài môi trường.

Như vậy, với quy mô hoạt động của trang trại theo mô hình trại lạnh khép kín thì lượng nước thải chăn nuôi phát sinh rất ít, chỉ phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại vào cuối mỗi đợt nuôi và không thải ra sông suối xung quanh dự án nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường nước xung quanh dự án.

2.2. Đối với môi trường không khí

Khí thải từ hoạt động chăn nuôi:

- Với đặc thù của dự án là chăn nuôi gà nên trong quá trình chăn nuôi sẽ phát sinh khí thải và mùi hôi, khí thải phát sinh trong khu vực trại nuôi gà chủ yếu là các khí thải gây mùi hôi như H₂S, NH₃ và các chất gây mùi hôi thối như mercaptan,...từ quá trình phân giải các chất như protein, lipid,... trong chất thải chăn nuôi bởi các vi sinh vật kỵ khí. Mùi hôi phát sinh từ hệ thống quạt hút trao đổi không khí phía trong và bên ngoài các dãy trại nuôi nhằm thông thoáng môi trường không khí phía trong trại nuôi gà. Quá trình hút, trao đổi không khí sẽ hút thải không khí ô nhiễm (mùi hôi) phía trong trại nuôi ra bên ngoài. Mùi hôi có thể theo gió phân tán gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực và khu vực phía bên ngoài dự án.

- Chủ dự án áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín nên hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng. Chủ dự án bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy trại sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút. Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi, chủ dự án bố trí 09 buồng thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút và xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

Khí thải từ máy phát điện dự phòng:

- Dự án đầu tư 02 máy phát điện dự phòng (công suất 200 KVA, sử dụng dầu DO). Tuy nhiên, nguồn khí thải này không thường xuyên do chỉ được vận hành khi

mạng lưới điện quốc gia gặp sự cố. Định mức tiêu thụ nhiên liệu của máy phát điện dự phòng trung bình 18 lít dầu DO/giờ tương đương 14,94kg/giờ.máy (tỷ trọng dầu DO khoảng 0,83 kg/lít). Lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu DO khoảng 28,3 m³/kg. Do đó, lượng khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng là 14,94 x 28,3 = 422,802 m³/giờ/máy. Nguồn ô nhiễm sinh ra từ máy phát điện không thường xuyên, mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

Khí thải từ việc hủy xác gà chết:

- Khối lượng gà chết do giã đập khoảng 4,5 kg/ngày tương đương 202,5 kg/lứa (tỷ lệ khoảng 0,5%/lứa nuôi), được thu gom và đem hủy hợp vệ sinh bằng hố chôn bê tông. Xác gà bị phân hủy sinh học, phân hủy các chất hữu cơ, dưới sự tác động của các vi sinh vật phân hủy như nấm, vi khuẩn, xạ khuẩn tạo ra khí CO₂, Methane, nước và sinh khối... Quá trình phân hủy được thể hiện theo công thức: $C_6H_{12}O_6 \rightarrow 3CO_2 + 3CH_4$

- Như vậy 1,8g sinh khối phân hủy thành 1,344 lít khí. Do đó phân hủy 4,5 kg xác gà làm phát sinh 3,36 m³ khí/ngày ($\approx 0,14$ m³/h).

Vị trí dự án đảm bảo khoảng cách an toàn về chăn nuôi, xung quanh chủ yếu là đất trồng cây cao su. Vì vậy khí thải phát sinh trong quá trình chăn nuôi đảm bảo đủ khả năng chịu tải của môi trường không khí xung quanh trại.

2.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại

Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu là cơm thừa, rau, củ, quả bị hư hỏng,... Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 7,5 kg/ngày (0,5kg/người/ngày x 15 người) được thu gom cho vào các thùng chứa thích hợp có nắp đậy. Các thùng chứa được bố trí tại khu vực xung quanh và trong trại. Chủ dự án ký hợp đồng đơn vị thu gom rác thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường (không nguy hại):

+ Bao bì, vỏ chai, thùng carton được thu gom và bán lại cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

+ Chất thải chăn nuôi (phân và trấu): được ủ tại chuồng nuôi, sau khi xuất bán gà, chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu mua tại chuồng và được thu gom 1 lần sạch sẽ đóng bao 50kg.

+ Gà chết không do dịch bệnh được thu gom và chôn lấp hợp vệ sinh bằng 01 hố chôn bê tông kích thước 4m x 3m x 1,2m.

- Chất thải nguy hại: chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, chai lọ chứa chất nguy hại,... được thu gom và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6 m². Khu vực lưu trữ chất thải rắn nguy hại sẽ được bố trí tuân thủ theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- Bố trí khu đất dự phòng với diện tích 1.000 m² để xử lý gà chết do dịch bệnh trong trường hợp xảy ra sự cố dịch bệnh.

Kết luận: Từ các phân tích từng nguồn chất thải nêu trên, cho thấy trang trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình công nghệ sản xuất chuồng lạnh khép kín, quy mô 135.000 con gà thịt/lúa (5 lứa/năm) phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nơi thực hiện dự án.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Về cơ bản thì nước mưa không phải là nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhưng nếu các nguồn gây ô nhiễm phát sinh trong giai đoạn này không được khống chế theo quy định, khi nước mưa rơi xuống khu đất dự án sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm ra môi trường nước xung quanh khu vực, có thể gây ngập úng cục bộ và gây ô nhiễm môi trường nước.

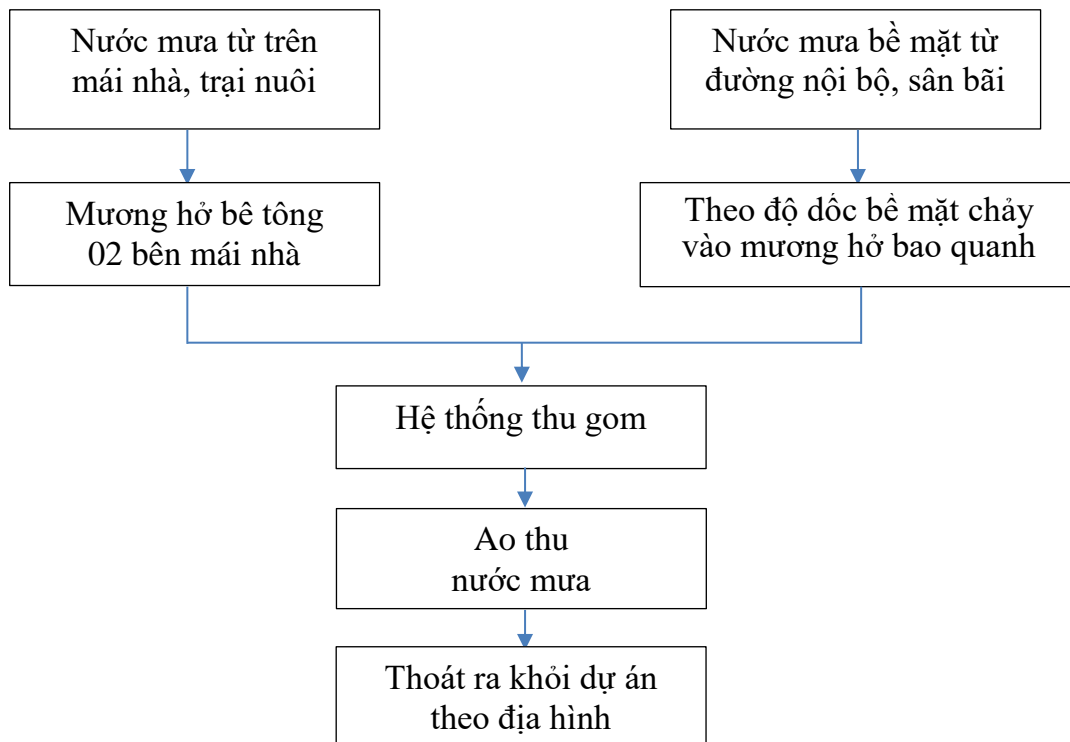
Chủ dự án xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng nước thải, hệ thống rãnh thoát nước mưa dọc theo hai bên trại nuôi. Hệ thống thu gom nước mưa tại dự án được bố trí như sau:

- Thu gom, thoát nước mưa từ mái chuồng: Nước mưa theo độ dốc mái → mương hở bê tông rộng 50cm, sâu 30 cm, dài 115m, 01 trại gồm 02 mương hở 02 bên → hệ thống thu gom → chảy về ao thu nước mưa và thoát ra khỏi dự án theo địa hình.

- Thu gom, thoát nước mưa bề mặt: nước mưa chảy tràn trên bề mặt trong khuôn viên dự án được thu gom về mương hở tại các dãy trại nuôi và xung quanh dự án, sau đó tự chảy theo độ dốc dẫn về mương thu nước mưa, rồi thoát ra khỏi dự án theo địa hình.

Rác và bùn cát đất lắng được nạo vét thường xuyên.

Ngoài ra, để phòng ngừa ngập úng, chủ dự án tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu đất dự án, giúp cho việc thấm nước mưa được nhanh chóng.



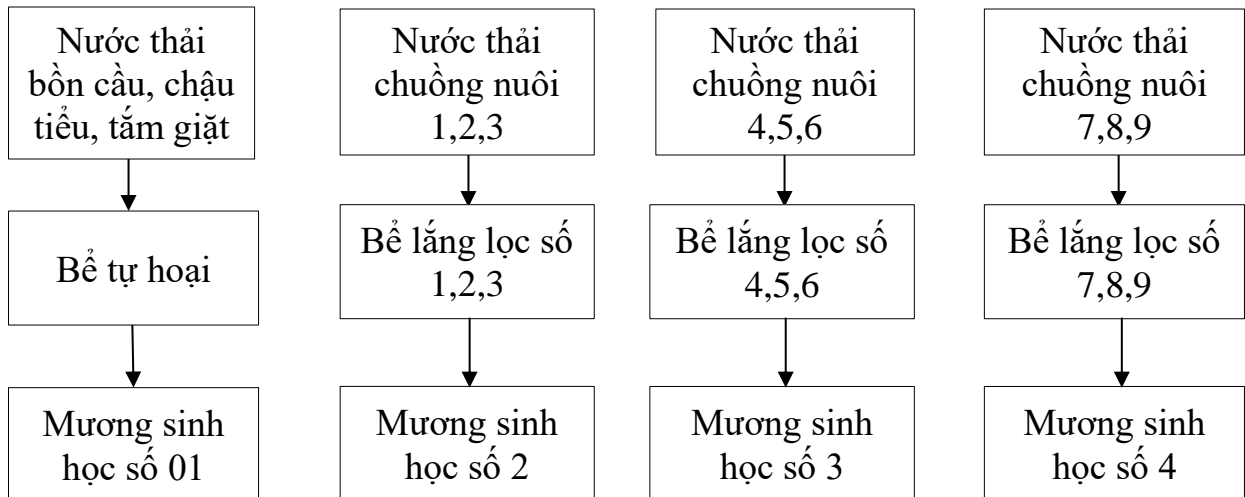
Hình 3: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- *Đối với nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại các khu vực: nhà quản lý, nhà ở công nhân được thu gom bằng ống PVC Ø 114mm về bể tự hoại 3 ngăn (số lượng: 01 bể, thể tích 7,2m³) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại được chảy qua mương sinh học số 1 để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- *Đối với nước thải chăn nuôi:* Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại, vệ sinh dụng cụ chăn nuôi sau mỗi lứa nuôi được thu gom bằng 2 rãnh bê tông dọc 2 bên vách phía trong chuồng nuôi có độ dốc 3% về phía cuối chuồng, được thoát ra ngoài theo đường ống PVC Ø 60mm chảy ra hệ thống thu gom (ống PVC Ø 114mm), sau đó nước thải theo đường ống dẫn Ø 114mm dẫn về bể lắng lọc để xử lý. Nước thải sau bể lắng lọc chảy ra mương sinh học số 02, 03, 04 để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của dự án được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 4: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải

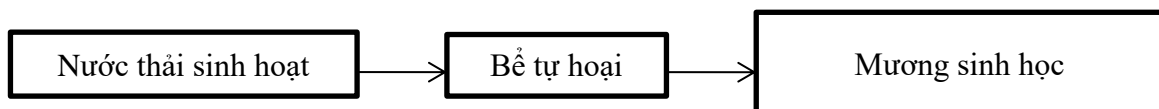
- *Điểm xả nước thải sau xử lý:*

Nước sau xử lý được lưu chứa tại mương sinh học, không thải ra ngoài môi trường.

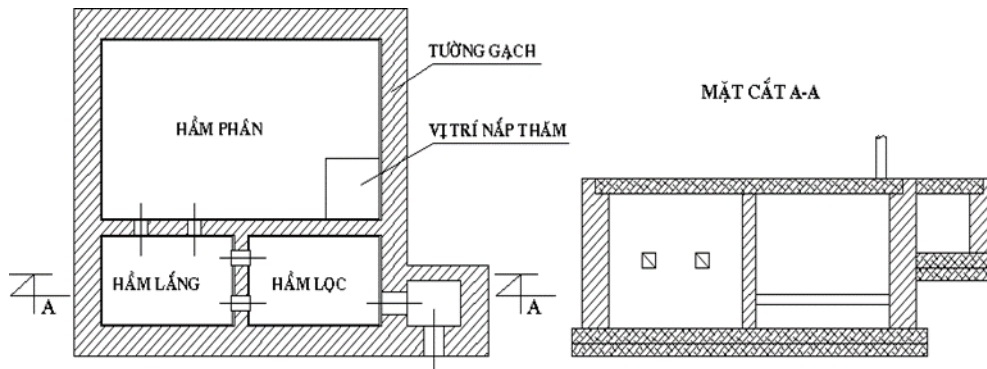
1.3. Xử lý nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt có lưu lượng 1,5 m³/ngày.đêm được xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn (kích thước 3m x 2m x 1,2m, thể tích 7,2 m³) để xử lý rồi cho chảy sang mương sinh học số 1 (kích thước 4m x 2m x 1m, thể tích 8m³) tiếp tục xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.



Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn như hình sau:



Hình 5: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

*** Nguyên lý hoạt động:**

Bể tự hoại có 3 ngăn chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Bể còn có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Bể có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua bể tự hoại nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 – 30%; riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể được đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT. Mương sinh học được thiết kế như sau: phía trên phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải thiện môi trường nước; xung quanh mương sinh học sẽ trồng các cây xanh.

Bảng 8: Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật (m)	Số lượng	Chất liệu
1	Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt	3,0 x 2,0 x 1,2	01	Tường gạch, đáy bê tông
2	Mương sinh học số 1 (xử lý nước thải sinh hoạt)	4,0 x 2,0 x 1,0	01	Lót bạt HDPE

b) Nước thải chăn nuôi

Nước thải chăn nuôi có lưu lượng cao nhất là 2,0 m³/ngày.đêm, được xử lý bằng bể lắng lọc (số lượng: 9 bể, thể tích: 3,6m³/bể) rồi cho chảy sang mương sinh học số 2, 3, 4 để tiếp tục xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

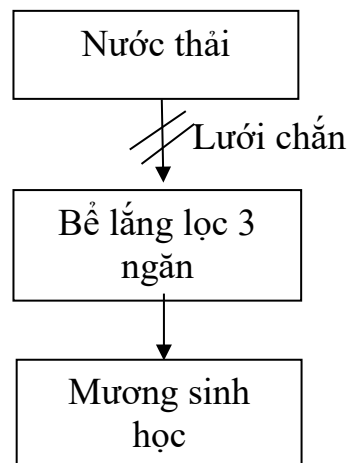
Chủ dự án đầu tư xây dựng cuối mỗi dãy chuồng nuôi là 01 bể lắng lọc để xử lý nước thải vệ sinh chuồng trại. Bố trí, mương thu nước thải từ 09 dãy chuồng nuôi được thu gom về 09 bể lắng lọc và 03 mương sinh học để xử lý, như sau:

- Nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng số 1 thu gom về bể lắng lọc 1, chuồng số 2 thu gom về bể lắng lọc 2, chuồng số 3 thu gom về bể lắng lọc 3. Nước thải sau bể lắng lọc số 1, 2, 3 dẫn về mương sinh học số 02.

- Nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng số 4 thu gom về bể lắng lọc 4, chuồng số 5 thu gom về bể lắng lọc 5, chuồng số 6 thu gom về bể lắng lọc 6. Nước thải sau bể lắng lọc số 4, 5, 6 dẫn về mương sinh học số 03.

- Nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng số 7 thu gom về bể lắng lọc 7, chuồng số 8 thu gom về bể lắng lọc 8, chuồng số 9 thu gom về bể lắng lọc 9. Nước thải sau bể lắng lọc số 7, 8, 9 dẫn về mương sinh học số 04.

Cấu trúc hệ thống xử lý nước thải như sau:



Hình 6: Quy trình hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi

*** Thuyết minh quy trình:**

Nước thải chăn nuôi tại trang trại được phát sinh từ 02 nguồn chính là nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại, nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ chăn nuôi.

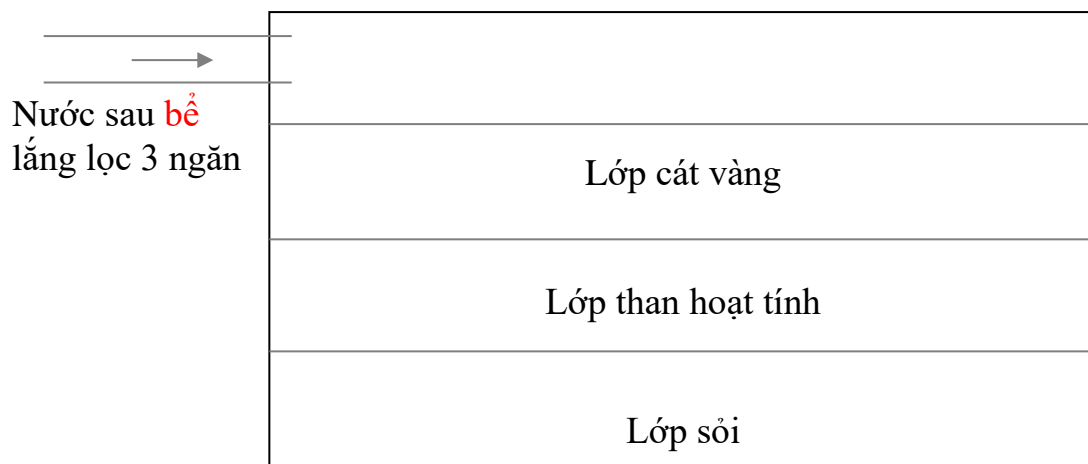
Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của dự án không đều mà chỉ tập trung chủ yếu trong thời gian vệ sinh chuồng trại khoảng 45 ngày/lần (khi trại xuất bán gà) để chuẩn bị nuôi lứa mới. Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa chuồng nuôi cuốn theo phân và lượng trâu còn sót lại trên nền chuồng. Mỗi ngày trang trại xuất 1 dãy chuồng và tiến hành vệ sinh ngay nên lượng nước thải phát sinh là 1 m³/1 dãy chuồng/ngày.

Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa nền của 9 dãy chuồng gà và vệ sinh dụng cụ chăn nuôi sẽ được thu gom theo độ dốc chảy qua 18 song chắn rác đặt tại cuối mỗi chuồng nuôi nhằm ngăn các loại rác có kích thước lớn gây tắc nghẽn đường thoát nước. Sau đó nước thải được dẫn về bể lắng lọc 3 ngăn (kích thước mỗi bể là 3m x 1m x 1,2m, thể tích 3,6m³).

Bể lắng lọc 3 ngăn: Nước thải phát sinh sẽ chảy về bể lắng 3 ngăn. Bể có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90%, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua bể, nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 - 30% riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Sau khi qua bể lắng lọc thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD5, COD và SS giảm đáng kể. Hiệu suất xử lý nước thải: BOD5 đạt 71 – 85%, hàm lượng chất lơ lửng SS đạt >75%, COD đạt 75 – 90%, TSS đạt 75 – 95%. Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể được nạo vét làm phân bón cho cây.

Nước thải sẽ tiếp tục được xử lý tại mương sinh học số 02, 03, 04 (kích thước của mỗi mương là 4m x 2m x 1m); phía trên mương sinh học phủ 1 lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than và chế phẩm men vi sinh để cải thiện môi trường nước, xung quanh mương sinh học sẽ trồng các cây xanh và cây ăn quả. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Cấu tạo mương sinh học và các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải trang trại:



Hình 7: Sơ đồ mương sinh học

Bảng 9: Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi

STT	Hạng mục	Số lượng (cái)	Quy cách
1	Song chắn rác	18	- Vật liệu: Inox - Cuối mương dẫn nước của mỗi dãy chuồng nuôi.
2	Bể lắng lọc có 3 ngăn. Kết cấu bể bao gồm:	09	- Xây dựng dạng hầm chìm - Kích thước: 3,0m x 1,0m x 1,2m

			- Vật liệu: Tường gạch, đáy bê tông.
2.1	Ngăn lắng	09	- Kích thước 1,0m x 1,0m x 1,2m
2.2	Ngăn lọc	09	- Kích thước 1,0m x 1,0m x 1,2m
2.3	Ngăn chứa	09	- Kích thước 1,0m x 1,0m x 1,2m
3	Mương sinh học số 2,3,4	03	- Xây dựng dạng mương chìm - Kích thước: 4,0m x 2,0m x 1,0m - Vật liệu: Lót bạt HDPE.

Bảng 10: Danh mục hóa chất sử dụng

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Chế phẩm men vi sinh	Kg/năm	65	Việt Nam
2	Vật liệu lọc	Kg/năm	65	Việt Nam

2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi từ hoạt động chăn nuôi

Để hạn chế sự phát sinh các khí gây mùi đến mức thấp nhất có thể được, trại nuôi áp dụng các biện pháp sau:

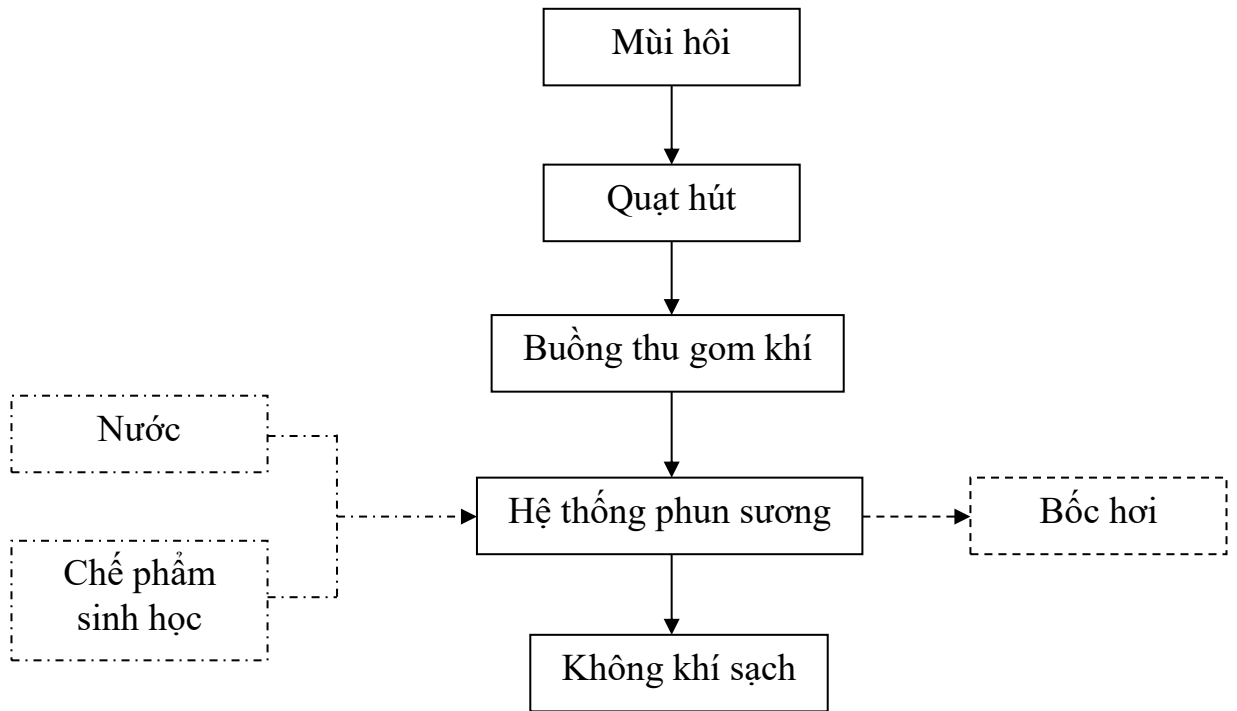
- Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy chuồng nuôi nhằm thông thoáng cho chuồng nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy chuồng sẽ được lắp đặt 10 quạt hút/01 dãy chuồng, lắp đặt 90 quạt hút cho 9 dãy chuồng nuôi (công suất 1 quạt hút là 44.800 m³/h), tổng cộng dự án trang bị 90 quạt hút.

Thông số cơ bản quạt hút:

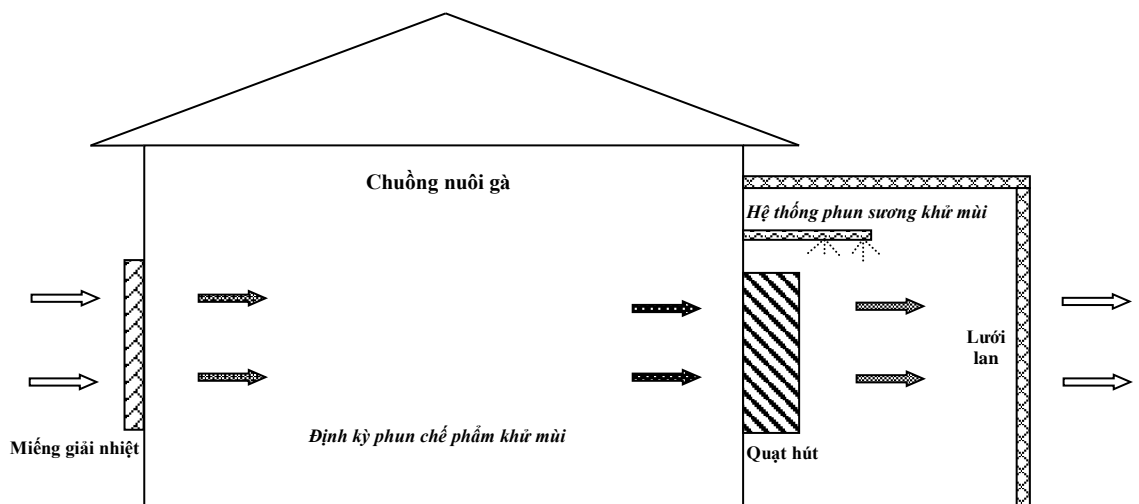
- + Model: EM 50, quạt hộp, 6 cánh bằng kim loại
- + Công suất: 1.5HP, 3 pha, 400V, 50Hz
- + Kích thước: 1380 x 1380mm
- + Đường kính cánh: 1270mm
- + Trọng lượng: 86 kg
- + Vỏ quạt: làm bằng vật liệu kẽm có độ dày từ 0.8-1.2 mm.
- + Cánh quạt: làm bằng vật liệu inox 430
- + Tốc độ vòng quay (0 Pa – 0 in H₂O): 427 RPM
- + Tốc độ gió (0 Pa – 0 in H₂O): 44.800m³/h – 50Pa

- Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi, chủ dự án đã bố trí buồng thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút.

- Cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế 3 vách bằng tường gạch. Phía trên buồng được phủ 1 lớp lưới len và lắp đặt hệ thống phun sương với chế phẩm khử mùi EM nhằm giảm thiểu mùi hôi, làm sạch không khí trước khi thoát ra bên ngoài. Hệ thống xử lý mùi hôi tại trại chăn nuôi như sau:



Hình 8: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi tại trang trại



- ⇒ Không khí sạch bên ngoài ⇨ Không khí chứa mùi hôi
 ⇨ Không khí đã được làm mát ⇨ Không khí đã được khử mùi

Hình 9: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương kết hợp lưới len

*** Thuyết minh quy trình:**

Lắp đặt hệ thống quạt hút không khí sau mỗi dãy chuồng nuôi để xử lý mùi hôi phát sinh tại trang trại. Phía sau hệ thống quạt hút được thiết kế buồng chắn (3 vách) cao hơn quạt hút với kết cấu tường gạch, kích thước dài 15m, rộng 5m, cao 5m. Vách chắn này nhằm tạo điều kiện cho không khí sau quạt hút ra ngoài và vào vách chắn và chuyển động theo phương thẳng đứng phát tán lên cao. Phía trên buồng chắn chủ dự án gắn 1 lớp lưới len và lắp đặt hệ thống phun sương bằng chế phẩm vi sinh khử mùi hôi EM nhằm giảm thiểu nồng độ mùi hôi phát tán ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Nhu cầu sử dụng chế phẩm EM: 1 lít/chuồng.
- Nhu cầu sử dụng nước: 0,1 m³/chuồng/ngày.đêm
- Nhu cầu sử dụng điện cho phun sương: 1kW/ngày
- Bố trí công nhân vệ sinh bên ngoài trại thường xuyên, đảm bảo công tác vệ sinh trại sạch sẽ.

- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các dãy trại 1 lần/tuần. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.

- Sau mỗi đợt thu hoạch gà, chủ dự án tiến hành tiêu độc khử trùng trại đảm bảo không để các mầm bệnh tồn tại, phát sinh.

- Trại được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, quạt hút, hệ thống làm mát đảm bảo nhiệt độ ổn định trong trại. Không khí trong trại đảm bảo thông thoáng tránh phát sinh mùi hôi trong khu vực chăn nuôi và xung quanh.

- Khu vực kho chứa nguyên liệu chăn nuôi sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút đảm bảo kho chứa thông thoáng tránh ẩm mốc.

- Xung quanh khu vực trại nuôi có 1 khoảng cách đệm cách ly khu vực nuôi và môi trường xung quanh, khoảng cách này khoảng từ 10m đến 20m, khu vực đệm này dự án tiến hành trồng cây xanh nhằm hạn chế mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh.

2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển

- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên trại nuôi.
- Phun nước trên tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực trại chăn nuôi vào mùa khô nhằm giảm bụi phát sinh và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trại.
- Khi các xe lưu thông trong khu vực trại chăn nuôi cần giảm tốc độ.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.
- Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ

khói bụi và những hỗn hợp khí như SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

b) Giảm thiểu tác động do khí thải từ máy phát điện dự phòng

Bụi và khí thải từ hoạt động của 02 máy phát điện dự phòng của dự án thoát ra bằng ống thải khí Ø200mm cao 3m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 3mm. Nguồn này hiếm khi xuất hiện (chỉ phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời lúc điện lưới quốc gia tại khu vực dự án bị mất điện, xảy ra vài lần mỗi năm, mỗi lần vài giờ) và có biện pháp xử lý cục bộ (máy đòi mới có kiểm định chất lượng), hạn chế được lưu lượng và nồng độ khí thải, đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép.

Chủ đầu tư chủ động lựa chọn các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh và cặn carbon thấp để sử dụng cho máy phát điện. Cụ thể như:

- Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu sử dụng không vượt quá 1%.
- Hàm lượng Carbon không vượt quá 76%.

Với tiêu chí như trên thì trang trại sử dụng dầu DO có bổ sung một số chất phụ gia giúp hạn chế nguồn ô nhiễm từ hoạt động của máy phát điện. Bên cạnh đó để giảm thiểu đến mức thấp nhất các hoạt động từ khí thải phát sinh khi máy phát điện hoạt động, chủ dự án sẽ lắp đặt thêm ống khói cao 3m, vật liệu Inox để chủ động phát tán lượng khí thải phát sinh này (công dụng của ống khói là nâng cao điểm phát tán của dòng khí thải, qua đó nâng cao tốc độ phát tán cũng như phạm vi phát tán của dòng khí này). Dưới sự xáo trộn của dòng khí thải trên cao và dòng khí được lan truyền xa hơn, nồng độ khí thải tại khu vực gần dự án trở nên vô cùng loãng.

Việc lựa chọn hình thức phát tán này là hoàn toàn hợp lý, do đây là nguồn thải không thường xuyên và mức độ ảnh hưởng không đáng kể. Khí thải sau máy phát điện dự phòng đáp ứng đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

c) Biện pháp giảm thiểu mùi và khí thải phát sinh từ hố hủy xác gà chết

Để giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ hố hủy xác gà chết, chủ đầu tư thực hiện một số biện pháp sau:

- Hố hủy xác gà chết được thiết kế đúng theo quy cách tại QCVN 01-41:2011/BNNPTNT ngày 06/5/2011-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- Vị trí hố hủy xác gà chết được bố trí tại khu đất dự án, có địa hình cao ráo, không ngập nước trong mùa mưa và nằm ở cuối hướng gió chính của dự án.

- Hố hủy xác được xây dựng bằng gạch với kích thước mỗi hố 4m x 3m x 1,2m. Đáy hố chôn bằng bê tông, bên trên hố chôn được thiết kế nắp đậy kín. Hố hủy xác được định kỳ phun xịt chế phẩm EM và khử mùi nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ phân hủy xác gà chết và giảm thiểu mùi hôi tại hố hủy xác. Phía ngoài khu vực hố chôn, khoảng cách 1m, tạo rãnh thoát nước rộng 20cm, sâu 20cm dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố chôn. Khu vực hố chôn được

kiểm tra thường xuyên 1 tuần/lần. Khi oai mục thành phân, định kỳ sẽ được công nhân thu gom, bán cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón cho cây trồng.

d) Giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi từ phun thuốc khử trùng, sát khuẩn

Đối với mùi hôi của thuốc phát sinh từ kho chứa thuốc, từ quá trình sử dụng thuốc khử trùng Formol. Dự án thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Kho chứa thuốc được xây dựng riêng tách biệt, vững chắc bằng vật liệu tốt.
- Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản thuốc an toàn tại dự án.
- Lắp đặt các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn tại khu vực kho chứa thuốc.

- Trang bị bảo hộ lao động khi pha chế và phun thuốc. Sau khi phun thuốc phải thay quần áo và giặt sạch.

- Không sử dụng bình phun bị rò rỉ và rửa sạch bình sau khi phun thuốc.

- Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả bộ phận của cơ thể.

đ) Biện pháp giảm thiểu ruồi, muỗi

- Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy trại nuôi, cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.

- Xử lý ngay xác những con vật chết ngay trong ngày, vì đây là môi trường để ruồi phát triển.

- Sử dụng biện pháp hóa học bằng cách phun thuốc diệt côn trùng ở các vách hoặc tường.

- Thu gom xử lý chất thải chăn nuôi của Dự án được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thực phẩm dư thừa ở mức từ 65 -70% và phần còn lại là giấy, nilon nhựa. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 7,5kg/ngày

Thiết bị lưu chứa:

- + Thùng rác dung tích 60 lít.

- + Số lượng: 09 thùng.

- + Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

Tần suất thu gom: 3 ngày/lần

Biện pháp xử lý: Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.2. Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi

Hình thức lưu trữ: Chất thải phát sinh gồm phân gà và trấu được ủ trong chuồng nuôi đến khi xuất bán gà, bao bì đựng thức ăn được lưu giữ tạm thời trong nhà kho chứa chất thải thông thường có diện tích 15 m², gà chết do giã mổ không phải do dịch bệnh được xử lý ngay bằng hố chôn bê tông có diện tích 12 m², không lưu giữ.

- Kho lưu chứa chất thải thông thường:

+ Diện tích: 15m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, mái che mưa, thùng chứa kín đảm bảo không rò rỉ nước ra bên ngoài, có vách ngăn, cửa ra vào, có dán biển cảnh báo trước cửa kho.

Biện pháp xử lý:

- Phân gà, trấu sau mỗi lứa nuôi: Ước tính khối lượng chất thải chăn nuôi tại trang trại với quy mô 135.000 con, như sau:

+ Lượng phân phát sinh trung bình tại dự án được thống kê qua bảng sau:

Bảng 11: Khối lượng phân gà phát sinh trong 1 lứa nuôi

STT	Giai đoạn	Lượng thức ăn cung cấp (g/con/ngày)	Lượng phân phát sinh (g/con/ngày)	Lượng phân phát sinh trong 1 ngày (tấn/ngày)	Lượng phân phát sinh trong 1 lứa nuôi (tấn/lứa)
1	Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi	54	45	6,075	85,05
2	Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi	90	73	9,855	145,825
3	Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại)	115	94	12,69	190,35
	Tổng cộng			33,92	421,225

+ Khối lượng trấu thải ra là 201,825 tấn/lứa nuôi. (căn cứ theo nhu cầu sử dụng trấu lót làm đệm lót sinh học trong quá trình chăn nuôi tại trang trại, khối lượng trấu được sử dụng 201,825 tấn/lứa)

Như vậy, tổng khối lượng phân gà và trấu phát sinh 647,56 tấn/lứa, được công nhân thu gom, đảo trộn và phun chế phẩm sinh học EM thường xuyên để hạn chế mùi; đồng thời trong suốt quá trình chăn nuôi, sử dụng chế phẩm EM vừa để hạn chế mùi vừa có tác dụng giúp quá trình phân hủy phân gà diễn ra nhanh hơn. Nhờ được phun chế phẩm sinh học và đảo trộn thường xuyên, phân và trấu lót sau mỗi lứa nuôi đã được xử lý trở thành phân gà vi sinh hữu cơ. Sau mỗi đợt xuất bán gà sẽ

hợp đồng bán cho đơn vị thu mua đến thu gom tại chuồng, đóng bao loại 50kg, để sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

+ *Tần suất thu gom*: 1 lần cuối lứa nuôi.

- Bao bì đựng thức ăn: Tổng khối lượng thức ăn cho gà tại trang trại tại giai đoạn này vào khoảng 517,185 tấn/lứa (tùy theo mỗi giai đoạn phát triển của gà mà lượng thức ăn cung cấp cũng khác nhau). Trọng lượng mỗi bao thức ăn khoảng 50kg/bao, như vậy trong suốt quá trình chăn nuôi trang trại cần khoảng 10.343 bao thức ăn, khối lượng riêng của bao thức ăn rỗng là 30g/bao, như vậy tổng khối lượng bao bì đựng thức ăn ước tính: $10.343 \text{ bao} \times 30\text{g/bao} = 310,5 \text{ kg/lứa}$ (tương đương 6,9 kg/ngày). Bao bì sẽ được thu gom bán lại cho đơn vị cung cấp thức ăn, hoặc có thể tái sử dụng để chứa phân tại trại nuôi.

+ *Tần suất thu gom*: 3 ngày/lần

- Gà chết do giã đập (không phải do dịch bệnh):

+ Số lượng gà chết trong quá trình chăm sóc (chủ yếu là do giã đập) trong giai đoạn chăn nuôi vận hành thương mại như sau: tỷ lệ chết không vượt quá 0,5% cho 1 lứa nuôi khoảng 675 con/lứa tương đương 15 con/ngày, trung bình 1 con gà chết nặng 0,3 kg. Dự kiến khối lượng gà chết khoảng 4,5 kg/ngày tương đương 202,5 kg/lứa, được thu gom hàng ngày và chôn lấp hợp vệ sinh. Hồ chôn lấp được thiết kế với diện tích 12 m².

+ Trại thường xuyên được khử trùng, gà được tiêm ngừa phòng bệnh định kỳ nên lượng gà chết tương đối ít. Lượng gà chết do giã đập (không phải do bệnh tật) sẽ được công nhân tại Trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hố hủy xác có nắp đậy kín.

+ Khi phát sinh gà chết không phải do dịch bệnh, xác gà được đưa xuống hố. Trước khi bỏ xác gà chết vào hố hủy, bên dưới đáy hố phải được lót bằng một lớp vật liệu độn gồm trấu và mùn cưa với độ dày khoảng 5 cm nhằm tạo môi trường hút ẩm tốt cho hố hủy xác và đậy nắp bê tông kín miệng hố chôn. Trên bề mặt khu vực hố hủy xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m².

+ Mỗi ngày, thu gom bỏ thêm gà chết vào hố hủy xác và đậy nắp lại, thì rải thêm một lớp vôi bột với lượng 0,8kg/m² phủ lên tấm đan, bề mặt khu vực hố. Sau 2 – 3 tháng, xác gà chết dưới hố đã phân hủy hoàn toàn thành mùn chứa nhiều hợp chất hữu cơ sẽ được công nhân thu gom, bán cho các đơn vị có nhu cầu làm nguyên liệu cho phân bón.

+ *Tần suất thu gom*: 1 ngày/lần

4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chất thải rắn nguy hại: Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh: bóng đèn huỳnh quang, pin thải, mực in,...ước tính khoảng 85 kg/năm, cụ thể:

Bảng 12: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn	23,5	14 02 02
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	25	13 02 01
3	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	15	13 02 02
4	Ăc quy chì thải	Rắn	0,3	19 06 01
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	0,2	18 02 01
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	0,5	16 01 06
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	0,5	17 02 03
8	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)	Rắn	Không xác định	14 02 01
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	5	18 01 01
10	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	5	18 01 02
11	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	5	18 01 03
12	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	5	18 01 04
Tổng khối lượng			85	

- *Hình thức lưu trữ:* Chất thải nguy hại được chủ dự án thu gom, phân loại theo chủng loại, dán nhãn cảnh báo, dán nhãn thông báo lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy trước khi được đưa vào kho chứa và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 6 m².

- *Thiết bị lưu chứa:*

+ Thùng dung tích 90 lít, đảm bảo không hư hỏng, rò rỉ, kết cấu cứng chịu được va chạm, biến dạng trong quá trình sử dụng.

+ Số lượng: 6 thùng

+ Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, phuy sắt.

+ Bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- *Khu vực lưu chứa (kho lưu chứa):*

+ Kho lưu chứa: 01 kho, diện tích 6 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền đá bê tông kín khí, có gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trần là BTCT kiên cố, cách nhiệt nên che kín nắng, mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, có trang bị thiết bị PCCC, có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- *Tần suất thu gom:* 01 ngày/lần

- *Tần suất chuyển giao:* 01 năm/lần

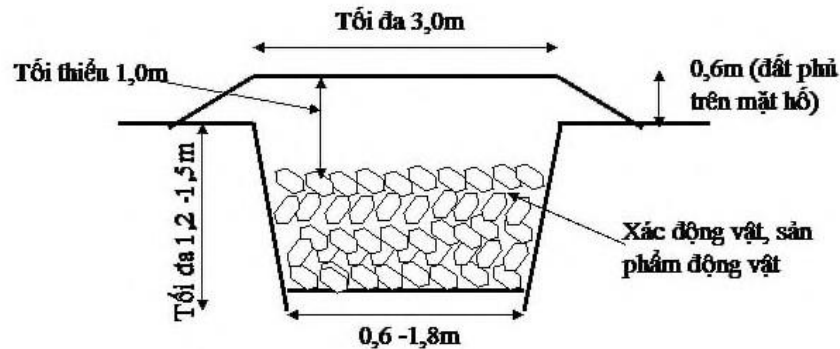
- *Biện pháp xử lý:*

+ Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý.

Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Đối với gà chết do dịch bệnh: Trong quá trình hoạt động, dự án chưa phát sinh dịch bệnh gây chết hàng loạt gà trong trại. Dự án đã bố trí khu đất trống diện tích 1.000 m² ở phía sau chuồng nuôi để dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh. Khi phát hiện gà chết do dịch bệnh, chủ dự án có trách nhiệm báo cáo với cơ quan thú y địa phương để tìm ra nguyên nhân gây chết và phòng tránh các bệnh dịch lây lan khác. Sau đó, tiến hành chôn lấp dưới sự chỉ đạo của cơ quan thú y. Việc chôn lấp đảm bảo đúng quy định QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Về thiết kế hố chôn lấp gà chết: hố chôn được bố trí không ở vùng ngập nước hoặc có mực nước ngầm nông, hố chôn nằm cuối hướng gió chính, chôn gần khu vực nhiều cây xanh để quá trình vô cơ hóa diễn ra nhanh chóng, hạn chế ô nhiễm môi trường. Mô hình mặt cắt hố chôn đảm bảo tiêu chuẩn sau:



Hình 10: Mô hình hố chôn gà chết do dịch bệnh

+ Các bước tiến hành chôn lấp gà chết do dịch bệnh:

Bước 1. Khi việc đào hố hoàn tất, cho phân rác, chất độn chuồng xuống đáy hố.

Bước 2. Xếp xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu hủy xuống đáy hố

Bước 3. Rải một lớp vôi bột ($0,8 - 1\text{kg}/\text{m}^2$) lớp trên cùng đống xác;

Bước 4. Lấp đất cho bằng miệng hố và nén chặt.

Bước 5. Tiếp tục

- Đắp thêm đất ở trên miệng hố theo hình chóp cụt với chiều cao khoảng 0,6 - 1m và rộng ra xung quanh miệng hố 0,3 - 0,4m để tránh nước mưa chảy vào hố chôn.

- Trọng lượng của khối đất phía trên có tác dụng ngăn chặn thú ăn thịt đào xác và giúp cho việc khử mùi, hấp thụ nước bẩn tạo ra do phân hủy.

Bước 6. Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 - 30cm và sâu 20 - 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa ra thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố chôn.

Bước 7. Trên bề mặt hố chôn, rắc vôi bột với lượng $0,8\text{kg}/\text{m}^2$, hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 - 0,25 lít/ m^2 để diệt mầm bệnh phát tán trong quá trình thao tác .

Bước 8. Sau khi hoàn tất việc chôn, phải đặt biển cảnh báo khu vực chôn lấp, cử người quản lý hố chôn trong 1-2 ngày đầu để tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm, hạn chế sự qua lại của người hay vật nuôi quanh khu vực chôn lấp.

5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học

Biện pháp kỹ thuật âm học có thể xem là biện pháp nhằm tạo được môi trường âm thanh tiện nghi, môi trường làm việc có mức ồn đạt quy chuẩn, quy định. Các giải pháp kỹ thuật âm học cụ thể thường được áp dụng như sau:

- Thao tác bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm nhẹ nhàng.
- Thường xuyên bảo quản, sửa chữa kịp thời các máy móc, thiết bị theo định kỳ.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Các phương tiện vận tải ra vào trại nuôi phải giảm tốc độ.
- Hạn chế bóp còi khi xe lưu thông trong khu vực trại.
- Trồng cây xanh xung quanh trong khu vực trại nuôi, cây xanh ngoài chức năng tạo cảnh quan đẹp cho khu vực vừa có chức năng hút âm.

5.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng

Để hạn chế mức độ ồn gây ra bởi máy phát điện khi vận hành máy, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện.
- Sử dụng vỏ cách âm cho máy phát điện và khí thải được phát tán ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao.
- Nền để máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.
- Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

5.3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn do gà kêu

Quá trình cho gà ăn, uống được thực hiện bằng hệ thống tự động hoặc bán tự động nên nhu cầu thức ăn, nước uống cho gà được cung cấp đầy đủ, gà nuôi không bị đói nên hạn chế đáng kể tiếng kêu phát sinh.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trại nuôi, làm tăng cảnh quan khu vực đồng thời giảm ảnh hưởng của tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH DỰ ÁN.

6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải

6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

6.1.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải

- Đối với sự cố hệ thống xử lý bụi, mùi hôi
 - + Chủ dự án bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra việc vận hành của hệ thống quạt hút sau các chuồng nuôi.
 - + Nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý.
 - + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
 - + Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp: phải lập tức báo cáo cấp trên khi có sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.
 - + Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.
 - + Định kỳ quan trắc môi trường để đánh giá hiệu quả của công trình bảo vệ môi trường
- Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải:
 - + Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
 - Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
 - Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
 - Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu
- Đối với công trình xử lý nước thải chăn nuôi:
 - + Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
 - + Lắp đặt thiết bị dự phòng để vận hành khi có hư hỏng thiết bị
 - + Công nhân viên hành được tập huấn, đảm bảo khả năng vận hành trước khi giao vận hành hệ thống xử lý nước thải.
 - + Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

+ Cơ sở sẽ thường xuyên kiểm tra, theo dõi để kịp thời phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải tại dự án.

6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Ký hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Gà chết trong quá trình chăn nuôi phải được thu gom, xử lý tại hố hủy xác.

Xây dựng khu lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng chống các sự cố có thể xảy ra, chủ dự án sẽ xây dựng phương án phòng chống sự cố như sau:

- Hệ thống điện được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn về điện.
- Huấn luyện cho toàn thể công nhân các biện pháp PCCC.
- Trang bị thiết bị PCCC.
- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho những công nhân làm việc.
- Khu vực lưu trữ các chất dễ cháy được bố trí riêng.
- Nâng cao ý thức của công nhân tại trang trại, bố trí khu vực hút thuốc riêng biệt cho công nhân trong giờ giải lao.
- Hạn chế lưu trữ các loại nhiên liệu dễ bốc cháy. Trường hợp phải lưu trữ các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.
- Tiến hành các biện pháp vệ sinh công nghiệp chặt chẽ trong các chuồng nuôi
- Ban hành các nội quy và treo bảng an toàn nổ, cấm lửa, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại công trường và nơi lưu trữ nhiên liệu.

6.3. Phòng ngừa dịch bệnh

Phòng chống dịch bệnh cho Trại chăn nuôi là công việc rất quan trọng, là quan tâm hàng đầu nhằm chủ động ngăn chặn và tiêu diệt các mầm bệnh phát sinh. Vì vậy, trại nuôi có kế hoạch phòng chống dịch bệnh như sau:

6.3.1. Yêu cầu về sát trùng

Trại nuôi, hệ thống cống rãnh, khu vực kho chứa thức ăn, dụng cụ chăn nuôi được vệ sinh đảm bảo sát trùng triệt để theo quy định của thú y.

Trại nuôi, nhà kho sau khi được vệ sinh sát trùng được để khô, sau đó mới cho thức ăn vào.

Công ra vào được đóng kín và có hố sát trùng.

Có hố sát trùng cho xe vận chuyển ra vào trại.

Trước lúc vào làm việc thay quần áo, giày dép đã sát trùng và rửa tay bằng dung dịch sát trùng.

Quần áo bảo hộ lao động được giặt sạch và sát trùng sau khi sử dụng.

6.3.2. Vệ sinh phòng bệnh

Trại nuôi có vành đai cách ly bên ngoài: Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh kín toàn bộ khu vực trại chăn nuôi và không cho các loại gia cầm, gia súc bên ngoài xâm nhập vào trại nuôi.

Các động vật cư trú truyền dịch bệnh cho đàn gà như chuột, chồn, côn trùng, chim tự nhiên,... được tiêu diệt theo hướng dẫn của thú y.

Thức ăn cho gà sạch, không bị vón cục.

Khi nghi ngờ gà bị ngộ độc thì ngừng cho ăn và báo cáo cán bộ thú y biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Sau khi chuyển gà ra khỏi dãy trại nuôi hoặc bán đều vệ sinh trại sạch sẽ, để trống trại ít nhất 2 tuần mới thả gà đọt mới để nuôi tiếp.

6.3.3. Vệ sinh nguồn nước

Nguồn nước dùng nuôi gà đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Các thiết bị chứa nước định kỳ vệ sinh.

Bên cạnh đó, định kỳ kiểm tra chất lượng nước ngầm.

6.3.4. Vệ sinh thức ăn

Kho chứa thức ăn thông thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, định kỳ sát trùng.

Kho chứa có biện pháp chống mối mọt, chuột, côn trùng phá hoại.

Các thiết bị chứa thức ăn định kỳ sát trùng, tẩy uế, tránh tình trạng tồn trữ thức ăn cũ gây hư mốc.

6.3.5. Vệ sinh nhân lực

Người cũng là phương tiện trung gian truyền bệnh hoặc mang vi trùng. Một số bệnh có thể lây truyền từ người sang gà hoặc từ gà sang người. Vì vậy, định kỳ

khám sức khỏe cho công nhân lao động tiếp xúc trực tiếp với đàn gà. Khi công nhân có dấu hiệu nhiễm bệnh, tiến hành đưa công nhân đến ngay Trạm y tế gần nhất để thăm khám và chữa bệnh. Sau đó tiến hành phun thuốc tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực dự án để tránh tình trạng lan truyền dịch bệnh.

Ngoài ra, công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình chăn nuôi như: quần áo bảo hộ, giày ủng, găng tay,...

6.3.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị

Mỗi dãy trại có những vật dụng như: chổi, xô, xẻng, dụng cụ đựng thức ăn, không sử dụng chung với các dụng cụ khác, những vật dụng này được làm vệ sinh hàng ngày.

Các loại dụng cụ thú y cũng trang bị riêng cho từng khu nuôi, không dùng chung. Trước và sau khi sử dụng, sát trùng kỹ lưỡng. Một số dụng cụ thú y như: dao, kéo,... định kỳ kiểm tra độ sắc bén.

6.3.7. Phát hiện bệnh sớm

Tiến hành theo dõi và khám bệnh cho đàn gà trong trại để phát hiện ngay những con có dấu hiệu bệnh để có kế hoạch điều trị thích hợp. Việc phát hiện bệnh sớm có lợi cho công tác điều trị vì thông thường cứ phát hiện bệnh trễ thì mầm bệnh sẽ sinh sản nhanh, càng phát hiện trễ thì cơ thể gà bệnh càng bị suy nhược, khó điều trị.

Cách ly gà bệnh: khi gà bệnh có biện pháp cách ly gà khỏe mạnh với gà bệnh, có biện pháp tiêu độc tẩy uế kỹ trại gà bệnh. Biện pháp cách ly tích cực giúp hạn chế mầm bệnh lây lan.

Gà xuất khỏi trại phải có giấy chứng nhận sức khỏe và lịch dùng thuốc.

6.3.8. Điều trị bệnh sớm

Sau khi phát hiện và chuẩn đoán, nhanh chóng điều trị bằng thuốc hữu hiệu ngay từ đầu.

6.3.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro

Khi phát hiện gà có biểu hiện lạ và chết trong trại chăn nuôi thì Chủ dự án sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan Thú y quản lý ở địa phương hoặc Công ty cung cấp giống để kịp thời ứng cứu. Ngoài ra, trại nuôi thực hiện các biện pháp sau:

- Không đưa gà có biểu hiện bệnh, chết và chất thải của con gà ra khỏi trại chăn nuôi

- Đặt các điểm kiểm soát, khử trùng các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào trại trong thời gian có biểu hiện lạ.

- Cách ly gà bị bệnh để theo dõi, phun thuốc sát trùng trại nuôi nhằm giảm thiểu dịch bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các con gà còn lại.

- Khi gà bị chết hàng loạt, chủ dự án báo ngay với Chi cục Thú y tỉnh Tây

Ninh và các đơn vị khác có liên quan để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp lý.

- Khi trại nuôi phát sinh sự cố như: phát sinh ruồi, muỗi, công nhân lập tức tiến hành dọn dẹp, vệ sinh, sát trùng trại. Đồng thời tiến hành rà soát quy trình chăn nuôi trong toàn trại nuôi để tránh phát sinh sự cố tiếp theo.

6.4. Biện pháp an toàn lao động

- Quy định các nội quy làm việc tại nhà máy, bao gồm nội quy ra, vào làm việc; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ...

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:

Không có.

8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Dự án không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh của Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2013.

Trong quá trình hoạt động, dự án có một số nội dung thay đổi, bổ sung so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 13: Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

STT	Nội dung	Trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt
1	Nước thải chăn nuôi	Nước thải chăn nuôi chảy vào mương thoát nước có lưới chắn rác, sau đó tiếp tục chảy ra ao sinh học kết hợp nuôi cá đạt cột A QCVN 40-MT:2011/BTNMT và QCVN0115/2010/BNNPTNT.	Nước thải chăn nuôi được thu gom cho chảy vào bể lắng lọc 03 ngăn để xử lý, sau đó cho chảy qua mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (nước thải chăn nuôi tách riêng với nước thải sinh hoạt).
2	Nhà chứa phân gà	Nhà chứa phân gà	Không xây dựng nhà chứa phân. Phân gà được ủ tại chuồng nuôi, sau khi xuất bán gà sẽ hợp đồng bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.
3	Buồng xử lý khí thải	--	Buồng xử lý khí thải sau dây chuồng nuôi
4	Kho chứa chất thải thông thường	--	Bổ sung 01 kho chứa chất thải thông thường diện tích 15 m ²

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

a) Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của công nhân viên vận hành trang trại chăn nuôi gà, lưu lượng 1,5 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 2: nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi (09 chuồng trại), lưu lượng 1,0m³/ngày.đêm/dãy chuồng.

- Nguồn số 3: nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, với lưu lượng 1,0m³/ngày.

b) Lưu lượng xả nước thải tối đa

Tổng lưu lượng nước thải tối đa phát sinh trong một ngày của trang trại chăn nuôi là 3,5 m³/ngày.đêm.

c) Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

- Dòng nước thải số 1: nguồn số 1 được thu gom về bể tự hoại rồi dẫn về mương sinh học 1 để xử lý đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT.

- Dòng nước thải số 2: nguồn số 2, 3 được thu gom về bể lắng lọc số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 rồi dẫn về mương sinh học số 2, 3, 4 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

d) Nguồn tiếp nhận nước thải

Bốn (04) mương sinh học trong khuôn viên Dự án.

đ) Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải:

+ Tại mương sinh học số 1 tọa độ: X = 1266 591; Y = 547 766;

+ Tại mương sinh học số 2 tọa độ: X = 1266 537; Y = 547 906;

+ Tại mương sinh học số 3 tọa độ: X = 1266 577; Y = 547 904;

+ Tại mương sinh học số 4 tọa độ: X = 1266 436; Y = 547 893.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105° 30', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

+ Nguồn số 1 sau xử lý bằng bể tự hoại chảy ra mương sinh học số 1.

+ Nguồn số 2, 3 sau xử lý bằng bể lắng lọc chảy ra mương sinh học số 2, 3, 4.

- Chế độ xả thải: liên tục.

- Công trình xử lý nước thải ngoài phạm vi dự án: không có

e) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 1 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A cụ thể như sau:

Bảng 14: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	TSS	mg/L	50	
3	TDS	mg/L	500	
4	BOD ₅	mg/L	30	
5	Sunfua	mg/L	1	
6	Amoni	mg/L	5	
7	Nitrat	mg/L	30	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5	
10	Phosphat	mg/L	6	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

- Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 2 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT: 2016/BTNMT.

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

- Nguồn số 01 - Chuồng nuôi số 1: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 1 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 02 - Chuồng nuôi số 2: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 2 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 03 - Chuồng nuôi số 3: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 3 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 04 - Chuồng nuôi số 4: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 4 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 05 - Chuồng nuôi số 5: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 5 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 06 - Chuồng nuôi số 6: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 6 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 07 - Chuồng nuôi số 7: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 7 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 08 - Chuồng nuôi số 8: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 8 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 09: - Chuồng nuôi số 9: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng số 9 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 10: Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 1 có công suất 200 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 422,802 m³/giờ.

- Nguồn số 11: Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 2 có công suất 200 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 422,802 m³/giờ.

b) Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 09: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.800 m³/giờ/quạt hút.

- Nguồn khí thải số 10 và số 11: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 422,802 m³/giờ/hệ thống.

c) Dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01 đến số 09: Dòng khí thải phát sinh sau các quạt hút cuối mỗi dãy chuồng nuôi.

- Dòng khí thải số 10 và số 11: Dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng sẽ thoát trực tiếp ra môi trường thông qua ống khói Inox, cao 3m.

d) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

- Nguồn khí thải số 01 đến số 09 đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Bảng 15: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 05:2023/BTNMT

TT	Tên chất	Đơn vị	Thời gian trung bình	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	µg/Nm ³	1 giờ	42	02lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	NH ₃	µg/Nm ³	1 giờ	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	24 giờ	200		

- Nguồn khí thải số 10, 11 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kv = 1,0; Kp = 1,0.

Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

đ) Vị trí, phương thức xả khí thải vào nguồn tiếp nhận khí thải

- Vị trí xả thải:

+ Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 1, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 316; Y = 547 917;

+ Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 2, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 345; Y = 547 916;

+ Nguồn khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 3, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 371; Y = 547 913;

+ Nguồn khí thải số 04: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 4, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 453; Y = 547 911;

+ Nguồn khí thải số 05: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 5, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 482; Y = 547 912;

+ Nguồn khí thải số 06: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 6, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 507; Y = 547 912;

+ Nguồn khí thải số 07: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 7, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 591; Y = 547 908;

+ Nguồn khí thải số 08: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 8, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 619; Y = 547 909;

+ Nguồn khí thải số 09: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 9, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 645; Y = 547 909;

+ Nguồn khí thải số 10: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng số 1; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 431; Y = 547 910;

+ Nguồn khí thải số 11: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng số 2; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1266 439; Y = 547 910.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiếu 3⁰)

- Phương thức xả thải:

+ Nguồn khí thải số 01 đến số 09: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 10 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

+ Nguồn khí thải số 10, 11: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

- Chế độ xả thải: gián đoạn

- Công trình xử lý khí thải trong và ngoài phạm vi dự án: không có

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

a) Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép

- Nguồn số 1: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi 1.

- Nguồn số 2: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi 2.

- Nguồn số 3: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi 3.

- Nguồn số 4: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi 4.

- Nguồn số 5: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi 5.

- Nguồn số 6: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi 6.

- Nguồn số 7: phát sinh từ hoạt động của dây chuyền nuôi 7.
- Nguồn số 8: phát sinh từ hoạt động của dây chuyền nuôi 8.
- Nguồn số 9: phát sinh từ hoạt động của dây chuyền nuôi 9.
- Nguồn số 10: phát sinh từ quá trình hoạt động của 02 máy phát điện dự phòng tại 01 nhà để máy phát điện dự phòng.

b) Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Các nguồn thải trên nếu được không chế tốt và xử lý cục bộ bằng các biện pháp quản lý kỹ thuật hợp lý thì tiếng ồn và độ rung sẽ đạt giới hạn cho phép. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/ BTNMT, cụ thể như sau:

Bảng 17: Giá trị giới hạn đối với độ ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	không	Khu vực thông thường

Bảng 18: Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	không	Khu vực thông thường

c) Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn 1: chuồng nuôi 1, tọa độ: X = 1266 314; Y = 547 852;
- Nguồn 2: chuồng nuôi 2, tọa độ: X = 1266 346; Y = 547 853;
- Nguồn 3: chuồng nuôi 3, tọa độ: X = 1266 371; Y = 547 857;
- Nguồn 4: chuồng nuôi 4, tọa độ: X = 1266 453; Y = 547 852;
- Nguồn 5: chuồng nuôi 5, tọa độ: X = 1266 481; Y = 547 850;
- Nguồn 6: chuồng nuôi 6, tọa độ: X = 1266 510; Y = 547 849;
- Nguồn 7: chuồng nuôi 7, tọa độ: X = 1266 591; Y = 547 848;
- Nguồn 8: chuồng nuôi 8, tọa độ: X = 1266 624; Y = 547 844;
- Nguồn 9: chuồng nuôi 9, tọa độ: X = 1266 646; Y = 547 845;
- Nguồn 10: nhà để máy phát điện dự phòng, tọa độ: X = 1266 431; Y = 547 910.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o30' múi chiếu 3^o)

4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI

4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh

a) Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh

Bảng 19: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Nguồn phát sinh	Định mức (kg/người.ngày)	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/tháng)
1	Hoạt động sinh hoạt hàng ngày của 15 công nhân làm việc tại trang trại chăn nuôi	0,5	7,5	225

b) Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 20: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng chất thải phát sinh	Mã chất thải
1	Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng	Rắn	647,56 tấn/lúa	14 01 12
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Gà chết không do dịch bệnh)	Rắn	202,5 kg/lúa	14 03 02
3	Bao bì đựng thức ăn	Rắn	310,5 kg/lúa	18 01 06
Tổng khối lượng:			648,073 tấn/lúa	

c) Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Bảng 21: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn	23,5	14 02 02
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	25	13 02 01
3	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	15	13 02 02

3	Ắc quy chì thải	Rắn	0,3	19 06 01
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	0,2	18 02 01
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	0,5	16 01 06
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	0,5	17 02 03
8	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)	Rắn	Không xác định	14 02 01
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	5	18 01 01
10	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	5	18 01 02
11	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	5	18 01 03
12	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	5	18 01 04
Tổng khối lượng			85	

4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- *Thiết bị lưu chứa:*

+ Thùng rác chuyên dụng dung tích 60 lít.

+ Số lượng: 09 thùng.

+ Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

- *Khu vực lưu chứa:* bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- *Biện pháp xử lý:* Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- *Tần suất thu gom:* 3 ngày/lần

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại)

a) Thiết bị lưu chứa:

- Phân gà và trấu sau mỗi đợt nuôi sẽ được thu gom, đóng bao loại 50 kg và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom tận dụng để chứa phân gà lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu. Các loại phế liệu được lưu trong khu vực chứa và bán cho đơn vị có nhu cầu.

- Đối với gà chết sẽ được công nhân tại trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hố hủy xác có nắp đậy kín.

b) Khu vực lưu chứa:

- Dự án bố trí kho chất thải rắn thông thường có diện tích 15m², có nền bê tông chống thấm, mái che mưa, thùng chứa kín đảm bảo không rò rỉ nước ra bên ngoài, có vách ngăn, cửa ra vào, có dán biển cảnh báo trước cửa kho.

- Phân gà và trấu, sau khi xuất gà, chủ dự án thu gom sạch sẽ, đóng bao bán cho các đơn vị có nhu cầu. Trường hợp chưa xuất bán kịp, phân gà và trấu được lưu chứa tạm trong chuồng nuôi, lưu chứa tối đa trong vòng 3 ngày và phun chế phẩm EM hạn chế mùi hằng ngày, sau đó xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. Không để ứ đọng lâu ngày để phát sinh mùi hôi đến môi trường xung quanh.

- Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được tái sử dụng cho đựng phân gà, rác tái chế được đưa về kho, phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương.

- Gà chết không do dịch bệnh được thu gom đem chôn lấp hợp vệ sinh bằng 01 hố chôn bê tông, kích thước mỗi hố 4,0m x 3,0m x 1,2m (thể tích 14,4m³), đảm bảo an toàn sinh học.

c) Tần suất thu gom:

- Phân gà và trấu: 01 lần cuối lứa nuôi.

- Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, rác tái chế: 3 ngày/lần.

- Gà chết không do dịch bệnh: 1 ngày/lần.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa

Thiết bị lưu giữ phải có vỏ chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

Bao bì lưu giữ sẽ được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: tên và mã CTNH, ngày bắt đầu được đóng gói, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước 5 cm mỗi ngày.

b) Khu vực lưu chứa trong nhà

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 6 m² được xây dựng tường gạch, nền xi măng có mái che, có cửa khóa, có phân ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm khác, tránh khả năng gây phản ứng hóa học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH. Trước cửa có biển cảnh báo “Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại”.

Trong từng ô hoặc bộ phận riêng có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707 – 2009 về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, vật liệu, mực của dấu hiệu và các dòng chữ không bị mờ hoặc phai màu.

c) Tần suất thu gom: 01 năm/lần, đơn vị có chức năng thu gom chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hoặc vùng lân cận sẽ đến mang đi xử lý đúng quy định.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh của Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2013. Kết quả quan trắc môi trường, cụ thể như sau:

1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Tổng lưu lượng nước thải tối đa phát sinh trong một ngày của trang trại chăn nuôi là 3,5 m³/ngày.đêm (Nước thải sinh hoạt phát sinh 1,5 m³/ngày.đêm; nước thải chăn nuôi phát sinh 2,0 m³/ngày.đêm).

Nước qua hệ thống xử lý được lưu chứa tại mương sinh học và tự bốc hơi, không thải ra ngoài môi trường, nên không có quan trắc môi trường đối với nước thải.

2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

2.1. Chỉ tiêu đo đạc và phân tích

Do đây là dự án chăn nuôi, nên các chỉ tiêu H₂S, NH₃, TSP là chất ô nhiễm phát sinh chủ yếu trong quá trình chăn nuôi. Chủ dự án phối hợp với đơn vị quan trắc môi trường lấy 03 mẫu để phân tích, đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án.

2.2. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các điểm đo đạc, lấy mẫu chất lượng môi trường không khí sau hệ thống quạt hút.

2.3. Kết quả đo đạc, phân tích

Bảng 22: Chất lượng khí thải của dự án

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		KẾT QUẢ			QCVN 05:2023/BTNMT
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	Tiếng ồn	dBA	65	59	66,9	70
2	Nhiệt độ	°C	30,8	30,2	31,2	-
3	Độ ẩm	%	69,1	69,1	68	-
4	Bụi tổng số (TSP)	µg/m ³	220	239	217	300
5	Nitơ đioxit (NO ₂)	µg/m ³	70	76	66	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	µg/m ³	75	65	54	350

7	Cacbon monoxit (CO)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	3.838	3.706	3.959	30.000
8	Amoniac (NH ₃)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	40	33	27	200
9	Hydro sunfua (H ₂ S)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	28	26	22	42

e) Đánh giá kết quả mẫu

Kết quả phân tích các mẫu khí thải tại dự án đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chủ dự án sẽ thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ khi dự án đi vào hoạt động khai thác như sau:

Bảng 23: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Nội dung/Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc/công trình giám sát	Tần suất	Tiêu chuẩn so sánh
1. Giám sát chất lượng khí thải			
01 điểm phía sau chuồng nuôi (sau buồng xử lý khí thải)	H ₂ S, NH ₃ , Tổng bụi lơ lửng (TSP)	02 lần/năm	QCVN 05:2023/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại			
Kiểm kê kho chứa chất thải tập trung của dự án: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.	Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận từ loại chất thải	Thường xuyên, liên tục	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

Trong quá trình thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, chủ đầu tư sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề quan trắc.

2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Chủ dự án sẽ bố trí kinh phí để thực hiện quan trắc môi trường các thành phần môi trường theo quy định, cụ thể như sau:

Bảng 24: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của dự án

STT	Chương trình giám sát	Vị trí	Tần suất lần/năm	Kinh phí thực hiện (VNĐ)	Tổ chức quản lý và vận hành
1	Giám sát khí thải	Sau buồng thu gom xử lý	02	12.000.000	Chủ đầu tư
2	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	Hệ thống, công trình thu gom, xử lý	Thường xuyên	10.000.000	Chủ đầu tư
Tổng cộng:				22.000.000	

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN

Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2013.

Năm 2021 và năm 2022, Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Cơ sở Nguyễn Đức Tuấn là chủ đầu tư của dự án “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” cam kết:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đã nêu ở báo cáo này, đảm bảo các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại,...) phát sinh do hoạt động của dự án đều nằm trong giới hạn cho phép của các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam như:

+ Môi trường không khí xung quanh: Các chất ô nhiễm trong khí thải của dự án khi phát tán ra môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ Độ ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT).

+ Quản lý nội quy trang trại theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

+ QCVN 01 – 41:2011/BNNPTNT ngày 06/5/2011 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Nước thải chăn nuôi đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

+ Nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14-2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được quản lý chặt chẽ, thu gom và hợp đồng xử lý triệt để. Đối với các loại chất thải nguy hại đảm bảo thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng Quy chế quản lý chất thải nguy hại của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc những nội dung chủ đầu tư đã cam kết với Chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường hàng năm.

- Trường hợp các sự cố môi trường, rủi ro môi trường xảy ra trong quá trình triển khai dự án, chủ đầu tư cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường.

- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã được phê duyệt của dự án.

Chủ đầu tư xin cam kết các điều khoản đã ghi trên đây và chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu để xảy ra vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC